

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

(TÀI LIỆU THAM KHẢO DÙNG CHO GIÁO VIÊN)

NHÓM BIÊN SOẠN :

TRƯƠNG QUỐC CẦN - TRUNG TÂM GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN THỊ THU - TRUNG TÂM GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN

HÀ NỘI, THÁNG 12 NĂM 2011



USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE



The Asia Foundation



CENTER FOR EDUCATION AND DEVELOPMENT



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Quản lý rủi ro thiên tai trong doanh nghiệp

(Tài liệu tham khảo dùng cho giảng viên).

Nhóm biên soạn: *Trương Quốc Cần, Nguyễn Thị Thu*

Hà Nội, tháng 12 năm 2011

Mục lục

Các chữ viết tắt.....	4
Giới thiệu	5
PHẦN I.	
MỘT SỐ THUẬT NGỮ CƠ BẢN VỀ QLRRTT.....	7
1. Một số thuật ngữ cơ bản.....	7
2. Thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu.....	10
PHẦN II.	
THIÊN TAI Ở MIỀN TRUNG VIỆT NAM VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH NGHIỆP ...	11
2.1. Thiên tai ở miền Trung.....	11
2.2. Hiện trạng QLRRTT trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	11
PHẦN III.	
QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	14
3.1. Chu trình quản lý rủi ro thiên tai.....	14
3.2. Các nguyên tắc và yêu cầu trong lập kế hoạch QLRRTT cho doanh nghiệp	15
3.3. Các giai đoạn và hoạt động QLRRTT trong doanh nghiệp.....	15
3.4. Quy trình thực hiện QLRRTT trong doanh nghiệp	17
3.5. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong doanh nghiệp.....	24
3.6. Lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai	28
3.7. Lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó trong tình huống thiên tai	30
3.8. Kế hoạch phục hồi sản xuất sau thiên tai.....	34
3.9. Tổ chức thực hiện và giám sát:	36
3.10. Lồng ghép QLRRTT trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.....	36
TÀI LIỆU THAM KHẢO	40
PHỤ LỤC.....	41
PHỤ LỤC I: CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI VÀ BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ RRTT	41
PHỤ LỤC II: CÁC CÔNG CỤ PHÂN TÍCH CÓ SỰ THAM GIA	46
PHỤ LỤC III. MẪU THUYẾT MINH KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA GIẢM NHẸ TT	53
PHỤ LỤC IV: MỘT SỐ BIỂU MẪU KÈM THEO KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ ..	55

Các chữ viết tắt

DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
QLRRTT	Quản lý rủi ro thiên tai
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SWOT	Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức
PN-GNRRTT	Phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Giới thiệu

Năm 2009, Chính phủ đã phê duyệt Đề án: “Nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”. Theo đó, doanh nghiệp được xác định là bộ phận không thể tách rời của cộng đồng, là chủ thể quan trọng của Đề án, bảo đảm tính hiệu quả và bền vững của các chương trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai quốc gia và khu vực. Tuy nhiên thực tế tại Việt Nam cho thấy, chúng ta mới chỉ quan tâm nhiều đến cộng đồng dân cư mà chưa thật sự quan tâm đến doanh nghiệp trong vùng chịu ảnh hưởng. Qua khảo sát gần đây từ Quỹ Châu Á tại 03 tỉnh miền Trung cho thấy 61,25% số doanh nghiệp tham gia khảo sát đã trả lời rằng họ đã từng chịu thiệt hại do thiên tai gây ra trong vòng 5 năm trở lại đây. Có nhiều nguyên nhân tạo nên mức độ thiệt hại về tài sản và cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp. Ngoài nguyên nhân khách quan do sự BĐKH dẫn đến tần suất và cường độ của những loại hình thiên tai gây ra ở miền Trung ngày càng tăng thì sự chủ quan từ phía doanh nghiệp, lãnh đạo doanh nghiệp và các cán bộ quản lý ở các bộ phận liên quan thiếu kiến thức và kỹ năng để có thể tự xây dựng kế hoạch quản lý RRTT cũng đã góp phần gây nên sự thiệt hại của chính doanh nghiệp. Bởi từ trước đến nay, các doanh nghiệp nói chung và các DNNVV chưa từng được trang bị kiến thức và kỹ năng về công tác QLRRTT.

Với sự hỗ trợ tài chính của văn phòng hỗ trợ phát triển nước ngoài (OFDA), thuộc cơ quan Hợp tác Phát triển Hoa Kỳ (USAID), Quỹ Châu Á phối hợp với Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED) biên soạn tài liệu tham khảo dành cho giảng viên để góp phần hướng dẫn đào tạo lại cho các doanh nghiệp trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường mối quan hệ đối tác Nhà nước và tư nhân trong quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó của cộng đồng tại Việt Nam” tại ba tỉnh Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Tài liệu này nhằm đưa ra hướng dẫn hoàn chỉnh cho đội ngũ giảng viên nguồn trong việc hướng dẫn, đào tạo lại các doanh nghiệp trong công tác QLRRTT, đồng thời nó cũng rất có ích đối với cán bộ chủ chốt và lãnh đạo các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như các nhà quản lý, giáo dục và các độc giả quan tâm đến công tác QLRRTT trong doanh nghiệp.

Trong quá trình biên soạn và hoàn thiện tài liệu, nhóm biên soạn đã nhận được sự giúp đỡ thông qua các ý kiến đóng góp, bổ sung từ các khóa đào tạo giảng viên nguồn và các tổ chức trên địa bàn dự án tại ba tỉnh Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa. Đặc biệt tài liệu cũng đã được các chuyên gia về QLRRTT xem và đóng góp ý kiến.

Tài liệu gồm 3 phần chính:

Phần thứ nhất: *Một số thuật ngữ cơ bản về quản lý rủi ro thiên tai (QLRRTT)* cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến QLRRTT trong các doanh nghiệp.

Phần thứ hai: *Thiên tai ở miền Trung Việt Nam và tác động đến doanh nghiệp* đề cập đến những đặc điểm địa hình, khí hậu và các loại thiên tai thường xảy ra ở khu vực miền Trung. Phần này cũng nêu bật tác động của thiên tai đối với doanh nghiệp đóng tại miền Trung thông qua những số liệu thu thập từ kết quả khảo sát tại ba tỉnh thực hiện dự án: Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Phần thứ ba: *Quản lý rủi ro thiên tai trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*, cung cấp một tiến trình cơ

bản để xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thiên tai cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp hình dung các bước, các hoạt động cần làm trong từng giai đoạn thiên tai. Phần này cũng cung cấp những phương pháp, công cụ cơ bản để phân tích mức độ rủi ro và năng lực ứng phó của DN/VVN. Trên cơ sở đó doanh nghiệp có thể lập kế hoạch phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai cũng như xây dựng kế hoạch chuẩn bị ứng phó cho từng loại hình thiên tai cụ thể.

Ngoài ra, phần phụ lục cũng cung cấp một số loại hình thiên tai thường gặp ở khu vực miền Trung và cách giảm nhẹ. Đặc biệt một số biểu mẫu, thông tin cần thiết để giảng viên tham khảo xây dựng bài giảng về vấn đề này.

Mọi thông tin góp ý về tài liệu hoặc yêu cầu điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đề nghị gửi về:

Trung tâm Giáo dục và Phát triển

Phòng 607, tòa nhà 101 Láng Hạ

Quận Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 04 – 3562 7494

Email: cedhanoi@ced.edu.vn

PHẦN I.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ CƠ BẢN VỀ QLRRTT

1. Một số thuật ngữ cơ bản

Thiên tai là hiệu ứng của một tai biến tự nhiên (ví dụ lũ lụt, bão, phun trào núi lửa, động đất, hay lở đất) có thể ảnh hưởng tới môi trường, và dẫn tới những thiệt hại về tài chính, môi trường và con người.

Thảm họa là sự phá vỡ nghiêm trọng về hoạt động của xã hội, gây ra những tổn thất về người, môi trường và vật chất trên diện rộng, vượt quá khả năng ứng phó của xã hội bị ảnh hưởng nếu chỉ sử dụng các nguồn lực của xã hội đó. Thảm họa có thể được phân loại theo tốc độ xuất hiện (đột ngột hoặc từ từ), hoặc theo nguyên nhân (do tự nhiên hoặc con người, hoặc có thể là sự kết hợp của cả hai). Thiệt hại do thảm họa gây nên phụ thuộc vào mức độ tổn thương, khả năng chống đỡ và phục hồi của con người với thảm họa.

Thảm họa diễn ra từ từ là những tình huống trong đó khả năng duy trì cuộc sống của con người từ từ đến một điểm mà cuối cùng, ngay cả tính mạng cũng bị đe dọa. Những tình huống như vậy thường do các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội hoặc sinh thái gây ra.

Thảm họa đột ngột là những thiên tai đột ngột do các hiện tượng tự nhiên như động đất, lũ lụt, bão nhiệt đới, núi lửa phun trào gây ra. Chúng xảy ra không có sự cảnh báo trước hoặc thời gian cảnh báo rất ngắn và ngay lập tức gây ảnh hưởng bất lợi đến cuộc sống, sinh hoạt của người dân và các hệ thống kinh tế.

Hiểm họa bao gồm bất kỳ một vấn đề, hiện tượng hoặc tình huống nào có thể gây ra tàn phá hoặc thiệt hại về người, tài sản, dịch vụ và môi trường. Một hiểm họa là một hiện tượng do con người hoặc thiên nhiên gây ra, có thể gây thiệt hại về tài sản, tổn thất kinh tế, hoặc đe dọa tính mạng và cuộc sống con người. Hiểm họa có thể là sự kết hợp với những sự kiện do con người gây ra làm cho một hiện tượng trở nên trầm trọng hơn, ví dụ: phá hủy rừng làm tăng những nguy cơ về lũ lụt

Trường hợp khẩn cấp là tình huống bất thường trong đó có những mối đe dọa tức thời và nghiêm trọng đến sinh mạng của con người do hậu quả của thảm họa, của mối đe dọa sắp xảy ra, của quá trình tích tụ các yếu tố bất lợi, của xung đột dân sự, của sự suy thoái môi trường và các điều kiện kinh tế - xã hội.

Rủi ro là khả năng các hậu quả tiêu cực có thể nảy sinh khi các hiểm họa xảy ra trên thực tế, tác động tới các lĩnh vực, con người, tài sản và môi trường dễ bị tổn thương. Rủi ro là một khái niệm mô tả một loạt hậu quả tiềm tàng có thể nảy sinh từ một hoàn cảnh cụ thể. Rủi ro bao gồm những tổn thất dự tính (tính mạng, bị thương, thiệt hại về tài sản và ngừng trệ của các hoạt động kinh tế hoặc kiếm sống) gây ra bởi một hiện tượng cụ thể. Rủi ro là hàm số giữa khả năng xảy ra và những thiệt hại cụ thể. Một yếu tố xã hội được coi là “chịu rủi ro” hoặc “dễ bị tổn thương” khi nó được đặt trước những hiểm họa biết trước và có khả năng gánh chịu những ảnh hưởng bất lợi do tác động của những hiểm họa này nếu và khi chúng xảy ra.

Những yếu tố chịu rủi ro, một yếu tố xã hội được coi là “chịu rủi ro” hoặc “dễ bị tổn thương” khi yếu tố đó có nguy cơ gặp hiểm họa và tác động bất lợi bởi ảnh hưởng của những hiểm họa đó nếu và khi chúng xuất hiện, đặc biệt trong những tình huống khả năng bị hạn chế. Con người (cuộc sống và sức khỏe của họ), cơ sở vật chất và các dịch vụ (nhà xưởng, đường sá, cầu cống, trường học, bệnh viện, v.v...) các hoạt động kinh tế và sinh hoạt (nghề nghiệp, trang thiết bị, mùa màng, gia súc, v.v...) được mô tả như những “yếu tố chịu rủi ro”. Trong nhiều trường hợp, môi trường tự nhiên cũng là một yếu tố chịu rủi ro.

Tình trạng dễ bị tổn thương là một khái niệm mô tả các nhân tố hoặc hạn chế về kinh tế, xã hội, vật chất hoặc tính chất địa lý, làm giảm khả năng phòng ngừa và ứng phó tác động của các hiểm họa. Tình trạng dễ bị tổn thương là một loạt các điều kiện mà sẽ kéo theo tác động bất lợi đến khả năng của con người trong việc ngăn ngừa, giảm nhẹ, phòng ngừa và ứng phó các sự kiện hiểm họa. Tình trạng dễ bị tổn thương có trước các thiên tai, làm cho thiên tai trầm trọng hơn, làm cản trở hoạt động ứng phó thiên tai, và có thể tiếp tục tồn tại một thời gian dài sau khi thiên tai được xảy ra.

Khả năng (*ngược lại với tình trạng dễ bị tổn thương*) là các nguồn lực, phương tiện và thể mạnh, hiện đang có trong các bộ phận và của doanh nghiệp và có thể giúp họ có khả năng ứng phó, chống chọi, phòng ngừa, ngăn chặn, giảm nhẹ hoặc nhanh chóng phục hồi sau thiên tai.

Đánh giá hiểm họa là quá trình đánh giá những khu vực xác định về những khả năng xảy ra hiện tượng tiềm tàng gây thiệt hại ở mức độ nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể. Đánh giá hiểm họa bao gồm phân tích các dữ liệu lịch sử chính thức hoặc không chính thức, và giải thích tỉ mỉ các bản đồ địa hình, địa lý, địa chất, thủy văn và sử dụng đất, cũng như phân tích các điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội.

Lập bản đồ hiểm họa là quá trình định vị những địa điểm và mức độ một hiểm họa cụ thể có thể gây mối đe dọa đến con người, tài sản, cơ sở hạ tầng, và các hoạt động kinh tế. Lập bản đồ hiểm họa thể hiện các kết quả đánh giá hiểm họa trên một bản đồ, cho biết tần suất/khả năng xuất hiện cường độ hoặc giai đoạn khác nhau.

Đánh giá rủi ro thiên tai là quá trình phân tích các hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của một doanh nghiệp. Thông qua đánh giá hiểm họa, mức độ, tần suất, phạm vi và thời gian của các hiểm họa khác nhau sẽ được xác định.

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là xác định những yếu tố có nguy cơ và phân tích lý do và nguyên nhân sâu xa của các điều kiện có thể làm nặng thêm những thiệt hại, mất mát của doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra. Các bộ phận và các hoạt động có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai nhất cần được xác định. Việc đánh giá phải xét đến cả các yếu tố vật chất, địa lý, năng lực, làm cho doanh nghiệp, bộ phận đó có nguy cơ đặc biệt bị ảnh hưởng bởi những mối đe dọa với từng loại thiên tai cụ thể.

Đánh giá khả năng là việc xác định các nguồn lực của doanh nghiệp, các chiến lược ứng phó và tinh thần sẵn sàng ứng phó với thiên tai của doanh nghiệp. Ngược lại với đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, đánh giá khả năng là tìm tất cả những biểu hiện tích cực trong các yếu tố vật chất, địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội, tổ chức, thái độ và động cơ giúp cho một bộ phận, doanh nghiệp có thể phòng ngừa, ứng phó và phục hồi ngay sau thiên tai.

Kết quả đánh giá nguy cơ thiên tai là lượng hoá và xếp hạng những nguy cơ mà doanh nghiệp đang gặp phải, là cơ sở cho công tác xây dựng kế hoạch giảm nhẹ nguy cơ thiên tai.

Đánh giá sau thiên tai là quá trình xác định tác động của một thiên tai hoặc các sự kiện đến một xã hội, những nhu cầu khẩn cấp, các biện pháp khẩn cấp nhằm cứu sống và duy trì cuộc sống của những người sống sót, khả năng xúc tiến phục hồi và phát triển. Cần chú ý đến cả những nhu cầu ngắn hạn và những tác động lâu dài.

Ứng phó khẩn cấp bao gồm các biện pháp, hoạt động cần được triển khai ngay trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra. Nó bao gồm các hoạt động như: Sơ tán, gia cố nhà xưởng, công tác tìm kiếm và cứu hộ những người sống sót và đáp ứng những nhu cầu sống cơ bản như nhà ở, nước, lương thực và chăm sóc sức khỏe.

Sơ tán là sự di chuyển con người, vật dụng, tài sản đang gặp nguy hiểm ra khỏi khu vực bị đe dọa. Kế hoạch và quy trình sơ tán cần được xây dựng trước khi có thiên tai xảy ra. Cần lên kế hoạch cụ thể trên cơ sở dự báo mức độ tác động của từng thiên tai cụ thể.

Phục hồi là những hoạt động được thực hiện nhằm khắc phục hậu quả của thiên tai, làm cho các dịch vụ cơ bản có thể thực hiện được chức năng, hỗ trợ những người bị ảnh hưởng tự sửa chữa những thiệt hại về nhà cửa và các công trình tại cộng đồng, doanh nghiệp, phục hồi các hoạt động kinh tế và hỗ trợ tâm lý và phúc lợi xã hội cho những người bị ảnh hưởng.

Tái thiết là một phần của phục hồi. Nó được định nghĩa là sự thay thế các toà nhà, máy móc thiết bị và cơ sở vật chất đã bị phá huỷ hoặc thiệt hại trong thiên tai. Tái thiết phải được lồng ghép đầy đủ vào trong các kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, có tính đến những rủi ro trong tương lai và khả năng giảm nhẹ những rủi ro đó bằng cách kết hợp các biện pháp phù hợp. Những công trình và dịch vụ bị thiệt hại có thể không nhất thiết phải phục hồi lại như trước hoặc tại khu vực cũ. Có thể là thay thế những công trình tạm thời được xây dựng như một phần của công tác ứng phó khẩn cấp hoặc phục hồi.

Giảm nhẹ thiên tai bao gồm các biện pháp được tiến hành trước khi có thiên tai nhằm mục tiêu giảm bớt những tác động tiêu cực tới doanh nghiệp, xã hội và môi trường. Giảm nhẹ đề cập đến các biện pháp dài hạn có thể tiến hành để giảm thiểu tác động phá huỷ và gây ngừng trệ của hiểm họa và nhờ đó, giảm bớt quy mô thiệt hại của thiên tai. Các biện pháp giảm nhẹ có thể bao gồm nhiều loại khác nhau, từ các biện pháp công trình (vật chất) như hành lang chắn lũ hoặc thiết kế các công trình an toàn, đến các biện pháp phi công trình như tập huấn, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp. Giảm nhẹ là các giải pháp dài hạn, có thể tiến hành bất kỳ lúc nào, trước khi thiên tai xảy ra, trong tình trạng khẩn cấp, trong giai đoạn phục hồi hoặc tái thiết.

Phòng ngừa thiên tai bao gồm các hoạt động chuẩn bị khi đã dự báo một thiên tai nào đó có thể xảy ra. Đây là những biện pháp ngắn hạn nhằm đảm bảo sự sẵn sàng và khả năng của một cộng đồng, doanh nghiệp nhằm thực hiện các biện pháp phòng ngừa trước những mối đe dọa sắp xảy ra, ứng phó và đối phó với những ảnh hưởng của một thiên tai bằng cách tổ chức và thực hiện cứu hộ, cứu trợ và những hỗ trợ thích hợp khác sau thiên tai một cách kịp thời và hiệu quả. Chẳng hạn, việc kiểm tra thường xuyên các hệ thống cảnh báo (kết nối với các hệ thống dự báo), các kế hoạch sơ tán hoặc các biện pháp khác cần thực hiện trong thời gian báo động thiên tai nhằm giảm thiểu thiệt hại tiềm tàng về con người và tài sản, cơ cấu tổ chức và kế hoạch hoạt động để áp dụng sau thiên tai; đảm bảo các nguồn lực (có thể bao gồm cả dự trữ hàng hoá và phân bổ quỹ); tập huấn cấp tốc cho các nhóm cứu trợ.

Ứng phó là các hoạt động thực hiện ngay khi thiên tai xảy ra. Các hoạt động này nhằm cứu tính mạng và cuộc sống của con người. Các hoạt động ứng phó bao gồm hỗ trợ khẩn cấp cho những người bị ảnh hưởng bởi thảm họa, sơ tán người, thiết bị và tài sản, cung cấp nhà ở và chăm sóc y tế và các hành động giảm bớt khả năng hoặc phạm vi của những thiệt hại phát sinh như tổ chức các nhóm cứu hộ....

Quản lý rủi ro thiên tai là một thuật ngữ tổng hợp bao hàm mọi khía cạnh về xây dựng kế hoạch và ứng phó thiên tai, bao gồm các hoạt động dài hạn hay ngắn hạn được thực hiện một cách chủ động trước, trong và sau thiên tai. Nó có thể là việc làm giảm thiểu các rủi ro, nhanh chóng khắc phục hậu quả và phục hồi sau thiên tai.

Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thuỷ quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định, tính từ thập kỷ đến hàng triệu năm. Sự biến đổi có thể là thay đổi trạng thái thời

tiết bình quân hay thay đổi sự phân bố các sự kiện thời tiết quanh một mức trung bình. Sự biến đổi khí hậu có thể giới hạn trong một vùng nhất định hay có thể xuất hiện trên toàn địa cầu. Nguyên nhân chính làm biến đổi khí hậu trái đất là do sự gia tăng các hoạt động tạo ra các chất khí thải nhà kính, các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính như sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển, ven bờ và đất liền khác. Biểu hiện của BĐKH là sự gia tăng nhiệt độ trái đất, nước biển dâng, gia tăng các hiện tượng thiên tai và các biểu hiện thời tiết khắc nghiệt.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ hoặc vừa về mặt vốn, lao động hay doanh thu. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể chia thành ba loại cũng căn cứ vào quy mô đó là doanh nghiệp siêu nhỏ (micro), doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Theo tiêu chí của Nhóm Ngân hàng Thế giới, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lượng lao động dưới 10 người, doanh nghiệp nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 50 người, còn doanh nghiệp vừa có từ 50 đến 300 lao động. Ở mỗi nước, người ta có tiêu chí riêng để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước mình. Ở Việt Nam, theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ, qui định số lượng lao động trung bình hàng năm từ 10 người trở xuống được coi là doanh nghiệp siêu nhỏ, từ 10 đến dưới 200 người lao động được coi là Doanh nghiệp nhỏ và từ 200 đến 300 người lao động thì được coi là Doanh nghiệp vừa.

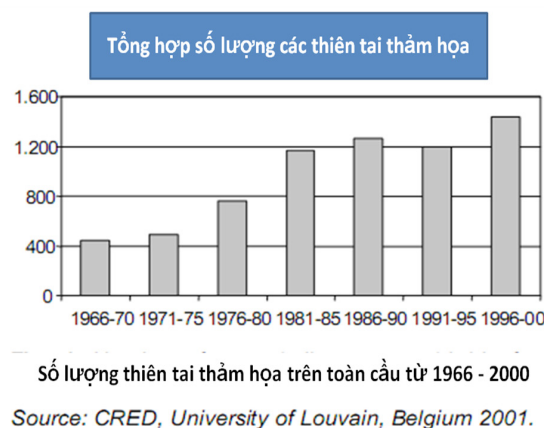
2. Thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu làm gia tăng mức độ ảnh hưởng và thiệt hại do thiên tai gây ra trên toàn thế giới. Theo thống kê của các nhà khoa học, số nạn nhân của lũ lụt do ảnh hưởng của BĐKH trong 5 năm 1983-1987 là 31 triệu người; con số này tăng lên đến 130 triệu người trong 5 năm 1993-1997 của thập kỷ sau (*WWC, 2003; Hotz, 2006*). Thiệt hại về kinh tế hàng năm do thay đổi thời tiết và lũ lụt đã tăng gấp 10 lần trong vòng 50 năm qua. Số lượng thiên tai cũng ngày càng gia tăng (*Xem biểu đồ bên*)

Việt Nam là một trong các nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng. Nếu mực nước biển tăng thêm 1m, sẽ có 10% dân số trực tiếp bị ảnh hưởng và 10% tổng thu nhập quốc dân có thể bị mất. Nếu không có giải pháp, đến năm 2100, Việt Nam sẽ mất 12,2 % đất, là nơi sinh cư của 23% dân số. Rất nhiều nơi sẽ bị ngập nước hàng tháng trời và thiệt hại kinh tế có thể đến con số 17 tỷ USD. Theo báo cáo phát triển con người 2007-2008 của UNDP, nếu nhiệt độ của trái đất tăng thêm 2°C, 22 triệu người Việt Nam sẽ mất nhà và 45% đất nông nghiệp trong khu vực Đồng bằng sông Mekong, vựa lúa của Việt Nam, sẽ bị chìm trong nước biển.

Trong những năm trước, nhiều thiên tai như bão, lũ lụt đã xảy ra một cách bất thường ở quy mô lớn và gây ra nhiều khó khăn trong việc dự báo, kiểm soát và phòng tránh. Những tai họa này gây ra thiệt hại lớn về người, tài sản và sản xuất. Theo các con số thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, bão, sạt lở đất, lũ lụt và nước cuốn liên tục xảy ra trong năm 2007 đã gây ra thiệt hại hơn 1% tổng GDP. Theo Ủy ban phòng chống Bão lụt Trung ương, riêng năm 2007, các cơn bão và lụt đã lấy đi mạng sống của 435 người và làm bị thương 850 người. Thiên tai gây ra những thiệt hại lớn về con người và tài sản tại 50 tỉnh của Việt Nam. Trong khi đó, lụt và thủy triều đã làm 113,800 ha đất trồng lúa bị nhiễm mặn, phá hủy hơn 1.300 công trình thủy lợi, lấy đi 460 km đê điều, 6.900 nhà và 921 trường học. Đồng thời, 920.900 ngôi nhà bị ngập nước và bị mất mái, rất nhiều công trình kinh tế xã hội bị phá hủy.

Do các ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, tình trạng thiếu lương thực đã xảy ra thường xuyên trong các khu vực bị tai họa. Trong năm 2007, trên toàn quốc có 723.900 lượt hộ với 3.034.500 lượt người dân bị thiếu ăn.



PHẦN II.

THIÊN TAI Ở MIỀN TRUNG VIỆT NAM VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH NGHIỆP

2.1. Thiên tai ở miền Trung

Đặc điểm địa hình

Khu vực miền Trung nước ta có địa hình hẹp, dải đồng bằng ven biển cũng hẹp, và thấp nằm cạnh núi cao và dốc, là địa hình dễ hình thành của lũ lụt rất nhanh chóng và bất thường. Bắc Trung Bộ có diện tích đồi núi chiếm tỷ lệ lớn, đồng bằng nhỏ hẹp, chỉ có rất ít đất phù sa. Các loại đất thường gặp ở khu vực này là: đất màu vàng nhạt trên núi cao, đất đỏ, đất nâu đỏ, đất đỏ vàng, đất xám bạc màu, đất dễ bị xói mòn. Tỷ lệ rừng bao phủ của Bắc Trung Bộ đạt 28%. Diện tích đất trồng, đồi núi trọc trong vùng chiếm 3,4% diện tích đất tự nhiên. Nam Trung Bộ có cấu tạo địa chất phức tạp và đa dạng với nhiều loại đất như: đất phù sa, đất cát ven biển, đất bạc màu... Tỷ lệ bao phủ rừng ở khu vực này tương đối cao (34,5%).

Thiên tai

Bên cạnh đó, miền Trung nằm trong khu vực giao thoa giữa vùng khí hậu cận nhiệt đới gió mùa ở Bắc Bộ và vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình ở miền Nam. Chính vì thế mà các tỉnh miền Trung thường chịu nhiều mưa bão. Hai loại hình thiên tai thường gặp nhất ở các tỉnh miền Trung là bão/áp thấp nhiệt đới và lũ tràn (lụt) và lũ quét. Hàng năm có tới 36% số trận bão đổ bộ vào miền Trung

Trên các sông từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh, mùa lũ xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10. Các sông này lũ tập trung chủ yếu trong dòng chính vì có hệ thống đê ngăn lũ, biên độ dao động trên 7m với hệ thống sông Mã, trên 9m với hệ thống sông Cả. Các sông từ Quảng Bình đến Bình Thuận, mùa lũ xuất hiện từ tháng 9 đến tháng 12. Đây là khu vực có hệ thống sông ngắn, dốc, lũ lên nhanh, xuống nhanh. Các sông ở khu vực này có hệ thống đê ngăn lũ thấp hoặc chưa có đê. Nước lũ không chỉ chảy trong dòng chính mà còn chảy tràn qua đồng bằng, biên độ dao động trên 8m.

2.2. Hiện trạng QLRRTT trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Ở Việt Nam chưa có nghiên cứu và thống kê về số lượng doanh nghiệp bị phá sản sau một thiên tai. Tuy nhiên khảo sát gần đây của Quỹ Châu Á cho thấy: Trong số 191 doanh nghiệp khảo sát tại 03 tỉnh: Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hoà, có tới 61,25% số DN trả lời rằng họ đã từng chịu thiệt hại do thiên tai gây ra trong vòng 5 năm trở lại đây.

Về mức độ thiệt hại: số liệu thống kê từ 117 doanh nghiệp được khảo sát cho thấy: có 5,13% số DN bị thiệt hại rất nặng nề; 29,91% số doanh nghiệp bị thiệt hại nặng nề ; 42,74% DN thiệt hại ít và chỉ có 22,22% DN thiệt hại không đáng kể.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến mức độ thiệt hại về tài sản và cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp. Ngoài nguyên nhân khách quan do sự BĐKH dẫn đến tần suất và cường độ của những loại

hình thiên tai gây ra ở miền Trung, ngày càng tăng thì sự chủ quan từ phía doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp do chưa nhận thức đầy đủ cũng như thiếu năng lực và kinh nghiệm QLRRTT cũng đã góp phần gây nên sự thiệt hại của chính doanh nghiệp. Bằng chứng là có tới 5,43% số DN trả lời do “không quan tâm đến phòng chống thiên tai hoặc không nhận thức được lợi ích của việc phòng chống thiên tai”; 45,74% DN trả lời “có quan tâm nhưng chưa có kế hoạch phòng chống và ứng phó với thiên tai”; 33,33% DN trả lời “đã có kế hoạch, nhưng không đủ năng lực và nguồn lực để thực hiện”, ngoài ra còn một số lý do khác như: chưa đánh giá được mức độ rủi ro mà thiên tai có thể gây ra, không dự đoán trước và không chủ động phòng ngừa, kế hoạch phòng chống thiên tai chưa được xây dựng do chủ quan vì từ trước đến giờ thiên tai chưa bao giờ ảnh hưởng đến hoạt động hoạt động SXKD của DN....

Một lý do chủ quan nữa từ phía doanh nghiệp cần phải đề cập, đó là các DNVVN hiện nay phần lớn đang đứng trước những khó khăn về vốn do nguồn vốn tự có rất hạn chế, trong khi đó lại không có năng lực tự huy động và đủ điều kiện tiếp cận với thị trường vốn. Chính vì thế, các DNVVN chưa có điều kiện để quan tâm đến công tác QLRRTT và tự bảo vệ mình trước các sự cố bất ngờ của thiên tai.

Một điều mà chúng ta đều đã được cảnh báo rằng, biến đổi khí hậu mà hậu quả của nó là thiên tai sẽ xảy ra với nhiều loại hình và với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên thiệt hại về thiên tai có thể được giảm nhẹ và khôi phục được sau thiên tai nếu các doanh nghiệp nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và có sự chuẩn bị chu đáo trong việc phòng ngừa, ứng phó và giảm nhẹ cho bản thân doanh nghiệp mình.

Về các hoạt động giảm nhẹ thiên tai:

Như phân tích ở trên, sự thiệt hại về tài sản cũng như mất cơ hội kinh doanh, mất nguồn nguyên liệu từ nhà cung cấp hoặc công nhân phải nghỉ việc trong và sau khi thiên tai xảy ra là rất lớn. Với hiện tượng của biến đổi khí hậu, trong thời gian tới, miền Trung còn phải đương đầu với nhiều loại hình thiên tai khác với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Như vậy, nếu các doanh nghiệp không có sự chuẩn bị kế hoạch cụ thể để ứng phó và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, thì sự thiệt hại sẽ nặng nề hơn và nguy cơ phá sản sẽ không tránh khỏi. Tuy nhiên các hoạt động giảm nhẹ và mức độ sẵn sàng đối phó với thiên tai ở tất cả các doanh nghiệp khảo sát đang tồn tại một lỗ hổng lớn.

Khảo sát gần đây cũng cho thấy, mặc dù hầu hết các doanh nghiệp ý thức được rằng, việc phòng ngừa RRTT với doanh nghiệp là cần thiết, nhưng phần lớn các doanh nghiệp vẫn chưa có kế hoạch thực hiện các hoạt động này.

Về việc chuẩn bị các dịch vụ cần thiết trong trường hợp thiên tai

Hầu hết các doanh nghiệp đều cho rằng các dịch vụ như: thông tin các số điện thoại khẩn cấp khi thiên tai, nguồn điện/năng lượng dự phòng, hệ thống thông tin liên lạc thay thế ...là rất cần thiết đối với doanh nghiệp để ứng phó khi thiên tai xảy ra. Tuy nhiên đại đa số các doanh nghiệp vẫn chưa chuẩn bị sẵn sàng về các loại dịch vụ này. Riêng nguồn năng lượng dự phòng có 68,63% số DN đã chuẩn bị, nhưng chỉ tập trung vào máy phát điện, các nguồn năng lượng khác như khí ga để phục vụ bữa ăn cho công nhân hay than để sấy các sản phẩm hàng hoá đặc thù vẫn chưa có sự chuẩn bị.

Về sự hợp tác tương trợ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp khi có thiên tai

Sự hợp tác tương trợ giữa các doanh nghiệp thể hiện ở các hoạt động: chia sẻ nguồn lực trong trường hợp khẩn cấp, hợp tác với DN cùng ngành nghề để có các hoạt động giảm nhẹ thiên tai, Một số DN cho rằng các hoạt động hợp tác tương trợ lẫn nhau giữa các DN là không cần thiết bởi các lý do: các doanh nghiệp có sự cạnh tranh lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, họ không muốn cho các doanh nghiệp khác (đối thủ) biết được hoạt động sản xuất kinh doanh của họ về chủng

loại, mẫu mã hàng hoá hoặc về khách hàng. Một số doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ nhỏ) đã có sự hợp tác tương trợ lẫn nhau nhưng cũng chỉ giới hạn trong phạm vi của các công ty thành viên (công ty con) thuộc Công ty mẹ.

Về mua bảo hiểm thiên tai

Trong công tác chuẩn bị và ứng phó với thiên tai, việc mua bảo hiểm rủi ro thiên tai là rất cần thiết đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung các doanh nghiệp chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc mua bảo hiểm RRTT. Số liệu thống kê từ 51 doanh nghiệp chỉ ra rằng, số doanh nghiệp chưa mua bảo hiểm bão lụt chiếm 56,86%. Trong khi các doanh nghiệp đã mua bảo hiểm RRTT đã được đền bù thoả đáng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục hồi sau thiên tai, các doanh nghiệp không mua bảo hiểm không nhận được sự đền bù nào.

Có nhiều lý do được doanh nghiệp đưa ra để giải thích cho việc chưa mua bảo hiểm về bão lụt: *Thứ nhất* là do họ chưa biết có gói dịch vụ bảo hiểm về lũ lụt, họ cũng không biết cách thức, giá trị là bao nhiêu? liệu họ có đủ tài chính để tham gia hay không? Các cơ quan bảo hiểm chưa có sự tư vấn và khuyến cáo về vấn đề này. *Thứ hai*: trong khi doanh nghiệp đang khó khăn về tài chính việc mua bảo hiểm bão lụt cần phải cân nhắc trong tổng thể hoạt động kinh doanh của họ. *Thứ ba* là họ chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích của việc mua bảo hiểm.

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong công tác cứu trợ thiên tai

Sự phát triển của một doanh nghiệp luôn kèm theo trách nhiệm xã hội mà doanh nghiệp phải quan tâm giải quyết, đây là hai mặt của một vấn đề không thể tách rời. Doanh nghiệp không thể chỉ quan tâm đến phát triển sản xuất, doanh thu, lợi nhuận mà quên đi trách nhiệm xã hội của mình hoặc ngược lại. Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của mình không chỉ thể hiện cái “tâm”, đạo đức kinh doanh của nhà đầu tư mà qua đó còn giúp cho các nhà đầu tư tạo dựng được thiện cảm, uy tín với các đối tác xã hội, qua đó càng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phát triển. Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải đối mặt với nhiều thách thức, áp lực cạnh tranh về vốn, công nghệ, nguồn nhân lực, uy tín, thương hiệu. Để tồn tại và phát triển, bên cạnh việc thu hút vốn, đầu tư đổi mới công nghệ, các doanh nghiệp cần xác định việc thực hiện tốt trách nhiệm xã hội là một biện pháp thiết thực để doanh nghiệp có thể nâng cao uy tín, xây dựng và quảng bá thương hiệu, để có lợi thế cạnh tranh, tạo ra động lực mạnh mẽ giúp cho doanh nghiệp vượt qua những rào cản, đưa sản phẩm của mình đến với thị trường khu vực và thế giới.

Thực tế trong nhiều năm qua cho thấy công tác xã hội của các DN về cứu trợ thiên tai đã phát triển nhưng còn có nhiều bất cập. Đa số các doanh nghiệp làm việc này xuất phát từ tâm, nhưng cũng có nhiều DN lợi dụng để đánh bóng tên tuổi. Hơn thế nữa, việc đóng góp tài chính trong cứu trợ thiên tai cho doanh nghiệp từ phía DN chưa thực sự hiệu quả, bởi còn thiếu sự chia sẻ thông tin từ các cấp chính quyền, thiếu hướng dẫn DN cụ thể trong các công tác cứu trợ này...

PHẦN III.

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

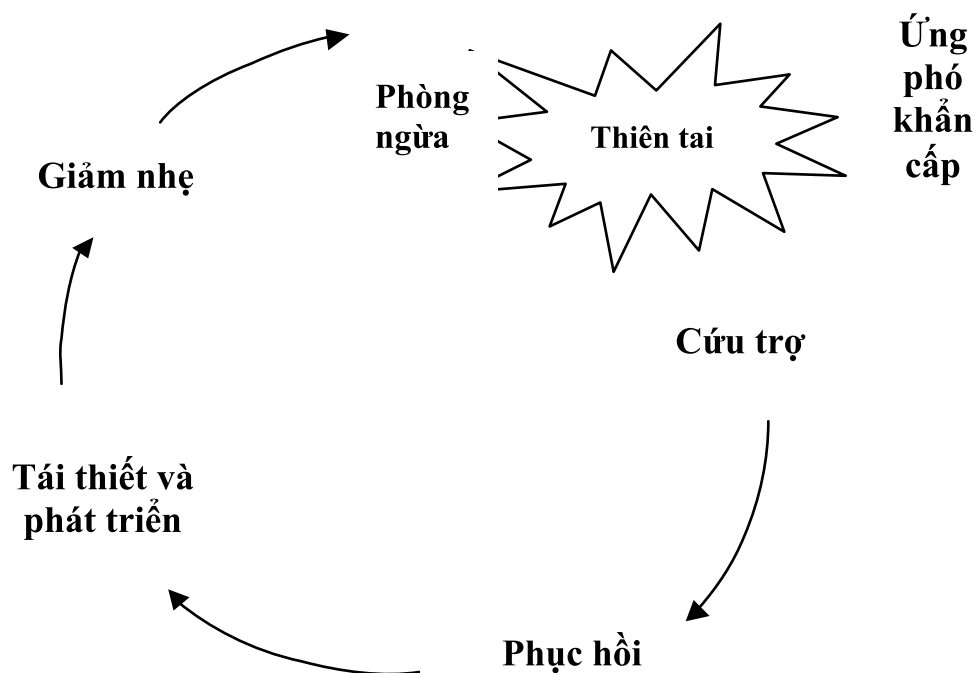
3.1. Chu trình quản lý rủi ro thiên tai

3.1.1. Khái niệm:

Quản lý rủi ro thiên tai bao gồm một loạt các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành một cách chủ động trước, trong, sau khi thiên tai xảy ra nhằm giảm đến mức tối thiểu những mất mát về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

3.1.2. Chu trình quản lý rủi ro thiên tai

Thông thường, một tiến trình quản lý rủi ro thiên tai hay việc lập kế hoạch phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai, có thể áp dụng Chu trình quản lý rủi ro thiên tai như sau:



Chu trình quản lý rủi ro thiên tai bao gồm một loạt các hành động nối tiếp nhau để chủ động quản lý các vấn đề do thiên tai gây ra.

Chu trình QLRRTT là một quá trình thu thập, đánh giá và phân tích thông tin, dữ liệu để xây dựng kế hoạch, củng cố tổ chức, ra quyết định, thực hiện, giám sát và kiểm tra một loạt các hoạt động nhằm ứng phó, phòng ngừa, giảm nhẹ và khắc phục những tác động của thiên tai. Chu trình này bao gồm cả các hoạt động trước, trong và sau thiên tai, kể cả quản lý những rủi ro và hậu quả của thiên tai.

3.1.3. Mục tiêu của QLRRTT trong doanh nghiệp

- Giúp các thành viên trong doanh nghiệp có ý thức rõ về mức độ quan trọng của việc ứng phó với rủi ro thiên tai
- Giúp cho các cán bộ, nhân viên ý thức được những rủi ro mà cá nhân, bộ phận của mình có thể gặp phải khi thiên tai xảy ra và giải pháp xử lý cơ bản trong tình huống có thiên tai xảy ra.
- Giúp cho mỗi cá nhân, từng bộ phận và cả doanh nghiệp chủ động trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm giảm thiểu tối đa sự thiệt hại, mất mát của doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra, đồng thời góp phần làm cho công tác quản lý rủi ro thiên tai của địa phương đạt kết quả tốt.
- Giảm thiểu tác động, thiệt hại do thiên tai đến hoạt động SXKD, lợi nhuận của doanh nghiệp, và đẩy nhanh quá trình phục hồi hoạt động SXKD sau khi thiên tai xảy ra.

3.2. Các nguyên tắc và yêu cầu trong lập kế hoạch QLRRTT cho doanh nghiệp

- Cần có sự tham gia của tất cả các thành viên, cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm những người trực tiếp sản xuất và những cán bộ quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Dựa trên kết quả phân tích đầy đủ, đánh giá kỹ lưỡng những rủi ro, năng lực của doanh nghiệp.
- Đáp ứng được nhu cầu và ứng dụng được tại địa phương và phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp
- Lồng ghép trong chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

3.3. Các giai đoạn và hoạt động QLRRTT trong doanh nghiệp

3.3.1. Các hoạt động TRƯỚC khi thiên tai:

Giảm nhẹ: Là các biện pháp có thể áp dụng để giảm thiểu các tác hại, hư hao và gián đoạn các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do thiên tai gây ra và giảm nhẹ mức ảnh hưởng của thiên tai. Các hoạt động giảm nhẹ thiên tai có thể thực hiện bất kỳ thời điểm nào trước thiên tai.

Các hoạt động giảm nhẹ mà doanh nghiệp cần tiến hành:

- Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người lao động trong doanh nghiệp.
- Củng cố và xây dựng tổ chức
- Gia cố và sửa chữa nhà xưởng và các nơi xung yếu
- Xây dựng các công trình phòng tránh
- Sử dụng công nghệ, kỹ thuật ít bị tác động bởi thiên tai
- Thiết lập mạng lưới tương trợ hỗ trợ;
- Xây dựng các phương án SXKD dự phòng
- Xây dựng cơ chế chính sách liên quan
- Điều chỉnh kế hoạch SXKD, nhằm tránh ảnh hưởng của thiên tai vào những thời điểm quan trọng.
- Thay đổi cơ cấu ngành hàng, cơ cấu dịch vụ cho phù hợp

Phòng ngừa: Là các giải pháp nhằm đảm bảo khả năng của doanh nghiệp, cộng đồng nằm trong tình trạng dễ bị tổn thương có được những hành động cụ thể trong việc dự báo, cảnh báo sớm và đề phòng trước sự đe dọa của hiểm họa một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.

Các hoạt động phòng ngừa mà doanh nghiệp cần tiến hành::

- Cùng với doanh nghiệp khác, phối hợp với chính quyền địa phương phát triển hệ thống cảnh báo sớm hoặc khai thác hệ thống cảnh báo sớm sẵn có
- Xây dựng các phương án chuẩn bị ứng phó cho từng loại hình thiên tai cụ thể, bao gồm:
 1. Phương án cho CBCNV
 2. Phương án di dời và bảo vệ tài sản
 3. Phương án duy trì thông tin liên lạc
 4. Phương án đối với khách hàng và nhà cung cấp
 5. Phương án hậu cần
- Thành lập các đội ứng phó khẩn cấp và tổ chức diễn tập
- Tập huấn, tuyên truyền kế hoạch phòng ngừa ứng phó đến người lao động (NLĐ)
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh để tránh rủi ro thiên tai

3.3.2. Các hoạt động TRONG khi thiên tai

Ứng phó khẩn cấp: Là các giải pháp hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng của doanh nghiệp và cộng đồng bị ảnh hưởng ứng phó kịp thời các tác động của thiên tai.

- Khi có thông tin về một loại hình thiên tai cụ thể, rà soát lại các phương án ứng phó đã xây dựng nhằm bổ sung, điều chỉnh để ứng phó khẩn cấp với thiên tai
- Triển khai các phương án ứng phó đã được xây dựng và diễn tập
- Các hoạt động cứu người, cứu tài sản (tiếp tục di dời và bảo vệ tài sản)
- Phát động kế hoạch cứu trợ khẩn cấp cho người lao động, cộng đồng bởi thảm họa thiên tai
- Tìm kiếm và cứu hộ
- Tuần tra canh gác chống trộm cắp

3.3.3. Các hoạt động SAU khi thiên tai xảy ra

Khắc phục hậu quả: Các giải pháp nhằm đảm bảo hỗ trợ khả năng cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng sớm ổn định đời sống, khôi phục sản xuất, tái thiết các công trình và nhanh chóng trở lại nhịp độ đời sống, sản xuất như trước đó.

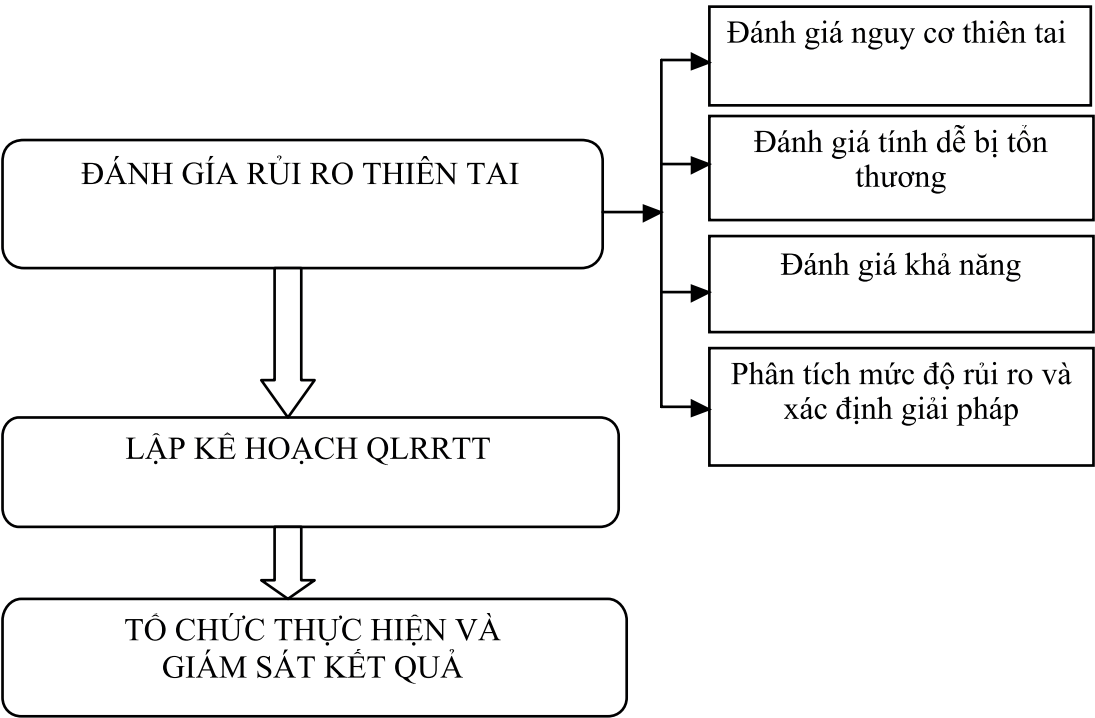
Các hoạt động phục hồi doanh nghiệp cần tiến hành:

- Đánh giá thiệt hại
- Hỗ trợ các cá nhân và gia đình NLĐ bị thiệt hại trong thiên tai (lương thực, thực phẩm, nước sạch, áo quần và các vật dụng gia đình khác liên quan).
- Lên phương án tiếp tục SXKD sau thiên tai
- Vay vốn phục hồi kinh doanh
- Bồi thường bảo hiểm
- Sửa chữa và tu bổ lại các công trình thiết yếu.
- Di chuyển máy móc, thiết bị về vị trí sản xuất và lắp đặt đúng quy định

- Dọn dẹp đường sá, hóa chất độc hại, vật liệu nguy hiểm và khai thông các hệ thống thoát nước
- Kiểm tra lại hệ thống điện và hệ thống vận hành các thiết bị
- Kết nối thông tin liên lạc với khách hàng và nhà cung cấp nhằm tiếp tục SXKD.
- Truyền thông nâng cao nhận thức đề phòng dịch bệnh và vệ sinh môi trường.

3.4. Quy trình thực hiện QLRRTT trong doanh nghiệp

Quy trình thực hiện QLRRTT trong doanh nghiệp được thực hiện theo tiến trình sau:



3.4.1. Đánh giá rủi ro thiên tai

Là việc phân tích tất cả các yếu tố có liên quan có khả năng làm gia tăng hay giảm nhẹ mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với doanh nghiệp. Nội dung của việc đánh giá rủi ro thiên tai, bao gồm: đánh giá nguy cơ thiên tai, đánh giá tính dễ bị tổn thương, đánh giá khả năng của doanh nghiệp và đánh giá mức độ rủi ro , xác định giải pháp khắc phục.

Với mỗi loại hình thiên tai, mức độ rủi ro của doanh nghiệp sẽ có tương quan thuận với cường độ thiên tai, với tình trạng dễ bị tổn thương và tương quan nghịch với khả năng của doanh nghiệp. Tương quan này có thể được diễn tả một cách tương đối trong công thức dưới đây

$$\frac{\text{Cường độ thiên tai} \times \text{Tình trạng dễ bị tổn thương}}{\text{Khả năng}} = \text{Rủi ro trong thiên tai}$$

Nói cách khác, rủi ro trong thiên tai sẽ tăng lên nếu cường độ và tần suất của thiên tai càng lớn, và tính dễ bị tổn thương của doanh nghiệp càng cao. Ngược lại, khi khả năng, tiềm lực của doanh nghiệp càng hạn chế thì cũng làm cho nguy cơ rủi ro của doanh nghiệp càng cao. Do đó, để giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai, một doanh nghiệp có thể thực hiện các hoạt động nhằm làm giảm nhẹ tác động của thiên tai, giảm bớt những yếu tố dẫn đến tình trạng DBTT và nâng cao khả năng ứng phó của doanh nghiệp.

Bước 1: Đánh giá các nguy cơ thiên tai

Để có thể xây dựng được kế hoạch QLRRTT phù hợp, điều đầu tiên mà doanh nghiệp cần tìm hiểu là những loại hình thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn hoạt động của mình. Đây là quá trình tiến hành phân tích hiểm họa nhằm xác định các loại hình thiên tai thường xảy ra tại địa phương và có thể tác động đến doanh nghiệp mình.

Đánh giá nguy cơ thiên tai giúp ta xác định khả năng xuất hiện, mức độ thường xuyên, phạm vi, thời gian của các loại hình thiên tai khác nhau có thể xảy ra tác động đến “các yếu tố chịu rủi ro” có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Các yếu tố chịu rủi ro có thể là nhân sự, tổ chức, các phương tiện, dịch vụ, nguyên, nhiên liệu, các khâu sản xuất kinh doanh, đối tác và thị trường,

Trong quá trình đánh giá, doanh nghiệp cần xác định được các yếu tố liên quan đến thiên tai như: dấu hiệu cảnh báo, thời gian báo trước, tốc độ xảy ra, tần suất, thời gian xảy ra và kéo dài. Các thông tin này có thể tổng hợp trong bảng sau:

Bảng tổng hợp các thông tin đánh giá về thiên tai

Loại thiên tai	Dấu hiệu cảnh báo	Thời gian báo trước	Cường độ	Số lần xảy ra trong tháng/năm	Thời gian xảy ra trong tháng/năm	Thời gian kéo dài
Lũ lụt						
Bão						
Lốc xoáy						
Sét						
.....						

Khi đánh giá nguy cơ thiên tai cần chú ý đến các yếu tố sau:

- **Dấu hiệu cảnh báo:** là các chỉ số khoa học được tính toán, dự báo trước; hoặc các dấu hiệu cảnh báo dân gian tại địa phương. Các dấu hiệu này cho biết thiên tai sẽ có thể xảy ra với một xác suất nhất định.
- **Thời gian báo trước:** là khoảng thời gian kể từ khi quan sát/nhận biết được dấu hiệu cảnh báo về một loại hình thiên tai, đến khi nó xảy ra trên thực tế.
- **Tốc độ, cường độ xảy ra:** Đây là yếu tố quan trọng để dự đoán được những mức độ nghiêm trọng của thiên tai và sức gây hại tiềm ẩn của nó để đề ra phương án phòng ngừa, ứng phó khẩn cấp một cách phù hợp.
- **Tần suất:** (mức độ thường xuyên). Hiểm họa nào đó xảy ra theo mùa, hàng năm hay theo chu kỳ một năm hai lần hay cứ mười năm một lần... Điều này rất hữu ích cho việc lên kế hoạch phòng ngừa từ xa
- **Thời gian thường xảy ra:** là thời điểm nhất định trong tháng hay trong năm mà loại hình thiên tai này thường hay xuất hiện.
- **Thời gian kéo dài:** là khoảng thời gian mà thiên tai sẽ diễn ra trong bao lâu (mấy phút, giờ, ngày hay mấy thang...)

Bước 2: Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của doanh nghiệp:

Là việc xác định tất cả những yếu tố có liên quan mà sẽ tác động tiêu cực, làm gia tăng mức độ thiệt hại của một loại hình thiên tai nhất định với doanh nghiệp. Khái niệm “mức độ tổn thương” không chỉ nhắc đến mức độ thiệt hại, mức độ ảnh hưởng trong thiên tai mà còn bao phụ thuộc vào khả năng hồi phục sau thiên tai của doanh nghiệp. Cụ thể là, tính dễ bị tổn thương càng cao khi mức độ ảnh hưởng nặng nề và khó có khả năng hồi phục sau thiên tai. Ngược lại, tính dễ bị tổn thương (DBTT) sẽ thấp nếu doanh nghiệp bị thiệt hại ít và có khả năng phục hồi nhanh chóng. Lưu ý rằng tính DBTT không đồng nghĩa với mức độ thiệt hại. Trong nhiều trường hợp mặc dù bị thiệt hại nặng nề, nhưng nếu doanh nghiệp có khả năng phục hồi tốt thì tính DBTT sẽ thấp.

Nội dung đánh giá

Để dễ dàng cho các doanh nghiệp trong quá trình đánh giá, các nội dung đánh giá tính DBTT được gộp lại thành 3 nhóm yếu tố sau:

- Về nhân lực và cơ chế tổ chức
- Về cơ sở vật chất, bao gồm: -
 - Nhà xưởng, kho tàng
 - Máy móc thiết bị,
 - Sản phẩm, dịch vụ
 - Nguyên nhiên liệu
 - Tài chính
- Về đối tác
 - Khách hàng
 - Nhà cung cấp.
 - Thị trường
- **Tính DBTT về nhân lực:** mức độ dễ bị tổn thương về mặt nhân lực có thể được nhìn nhận ở hai góc độ, đó là:
 - Những yếu tố có thể làm gia tăng những tổn thất về mặt nhân lực của doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra. Điều này có thể biểu hiện khi việc thiếu thốn trang bị bảo hộ để bảo vệ nguồn nhân lực của doanh nghiệp và cả việc thiếu hụt nhân lực có thể xảy ra với tác động gián tiếp, chẳng hạn sau khi lũ công nhân không thể đi làm.....
 - Những điểm yếu về năng lực, thái độ, động cơ của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, chẳng hạn, một doanh nghiệp có đội ngũ nhân viên chưa hề được trang bị bất cứ kiến thức nào về QLRRTT, ý thức kỷ luật không cao, thì rõ ràng DN đó sẽ dễ bị tổn thương hơn khi có thiên tai xảy ra.
- **Tính DBTT về cơ chế, tổ chức:** đây là yếu tố quan trọng có thể làm gia tăng hay giảm nhẹ tính DBTT của doanh nghiệp với thiên tai. Một doanh nghiệp với cơ cấu tổ chức lỏng lẻo, thiếu các cơ chế, chế tài cần thiết để đảm bảo việc huy động, tổ chức, phân công và giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý RRTT thì sẽ không thể ứng phó một cách chủ động và hiệu quả khi có thiên tai xảy ra.
- **Tính DBTT về cơ sở vật chất:** là tất cả những biểu hiện tiêu cực, yếu kém về mặt cơ sở vật chất như: nhà xưởng, kho tàng, máy móc thiết bị, sản phẩm, dịch vụ, nguyên nhiên liệu và cả mặt tài chính... góp phần làm cho thiệt hại của doanh nghiệp nặng nề hơn khi có thiên tai xảy ra và hạn chế khả năng hồi phục của doanh nghiệp sau khi đã chịu ảnh hưởng của

thiên tai. Chẳng hạn, nhà xưởng xây không đúng tiêu chuẩn, hoặc xuống cấp, đặc thù của nguyên liệu, sản phẩm dễ bị hư hỏng hoặc sản phẩm phải phơi dưới nắng trời sẽ dễ bị tổn thương hơn khi có mưa, nguồn cung cấp nguyên vật liệu bị gián đoạn khi có thiên tai xảy ra., hệ thống điện không an toàn, hệ thống thoát hiểm không hoạt động...đều làm gia tăng nguy cơ rủi ro và tính dễ bị tổn thương của doanh nghiệp

- **Tính DBTT về đối tác:** Là tất cả những biểu hiện trong các mối quan hệ hợp tác mà có thể dẫn đến tác động bất lợi cho doanh nghiệp. Điều này có thể thể hiện ngay ở tính dễ bị tổn thương của bản thân các doanh nghiệp đối tác: khách hàng và nhà cung cấp đầu vào, những điều khoản thỏa thuận, cam kết của doanh nghiệp với các đối tác mà dễ gây thiệt hại cho doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra, chẳng hạn các điều khoản về đền bù, thời điểm giao hàng...

***Lưu ý khi phân tích tính DBTT, cần đi sâu làm rõ những biểu hiện cụ thể gây nên tính DBTT trong từng yếu tố, với từng loại thiên tai cụ thể, xác suất xảy ra là cao hay thấp, mức độ ảnh hưởng đến doanh nghiệp là nhiều hay ít.

. Dưới đây là bảng tổng hợp phân tích các yếu tố DBTT của doanh nghiệp với một loại hình thiên tai cụ thể

Bảng tổng hợp tính dễ bị tổn thương của doanh nghiệp

Loại hình thiên tai.....

TT	Yếu tố DBTT	Biểu hiện DBTT	Xác suất xảy ra	Mức độ tác động
1	Về con người và, cơ chế tổ chức			
2	Về cơ sở vật chất: - Nhà xưởng, - Máy móc, thiết bị, - Sản phẩm, dịch vụ - Nguyên nhiên liệu - Tài chính			
3	Về đối tác - Khách hàng - Nhà cung cấp. - Thị trường			

Bước 3: Đánh giá khả năng ứng phó của doanh nghiệp:

Đánh giá khả năng: Là quá trình tìm hiểu, phân tích nhằm xác định xem doanh nghiệp có những tiềm năng, điều kiện, nguồn lực nào có thể huy động được nhằm giảm nhẹ tác động gây hại của thiên tai và để đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ít bị ảnh hưởng nhất, và có thể phục hồi sớm nhất.

Mục đích đánh giá khả năng để xác định các nguồn lực, phương tiện, những điểm mạnh hiện có tại trong các bộ phận của doanh nghiệp. Những khả năng đó giúp doanh nghiệp đối phó, chịu đựng, giảm nhẹ hoặc nhanh chóng khắc phục được hậu quả của thiên tai. Đánh giá khả năng là một bước quan trọng trong lựa chọn các chiến lược giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai của doanh nghiệp một cách chủ động, và đồng thời nó cũng nâng cao năng lực của các thành viên tham gia. Nếu bỏ qua

nó chúng ta có thể gặp phải sai lầm trong việc thiết kế các chương trình giảm nhẹ rủi ro, gây lãng phí các nguồn lực, làm cho ý thức tự đối phó của doanh nghiệp kém đi, khi đó sẽ làm tăng tình trạng dễ bị tổn thương.

Nội dung đánh giá về khả năng:

Về bản chất, khả năng chính là những biểu hiện ở trạng thái đối nghịch lại với tình trạng DBTT trong từng yếu tố cụ thể. Tương tự như khi đánh giá tính dễ bị tổn thương, khả năng của doanh nghiệp được đánh giá dựa trên những nội dung sau:

- **Khả năng về nhân lực:**

- Những yếu tố tích cực có thể làm giảm thiểu những tổn thất về mặt nhân lực của doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra. Điều này có thể bao gồm những điều kiện nhằm bảo toàn nguồn nhân lực, sức khỏe,... và cả khả năng huy động nhân lực để tham gia phục hồi sản xuất sau khi có thiên tai xảy ra.....
- Những điểm mạnh về năng lực, thái độ, động cơ của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, chẳng hạn, một doanh nghiệp có đội ngũ nhân viên đã được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng về QLRRTT, được tổ chức tốt, tính kỷ luật cao, có tinh thần trách nhiệm và sẵn sàng chủ động ứng phó khi cần thiết sẽ làm tăng cường khả năng ứng phó của doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra.

- **Khả năng về cơ chế, tổ chức:** Đây là yếu tố quyết định việc huy động các khả năng khác của doanh nghiệp một cách hiệu quả, để phục vụ cho việc chủ động ứng phó của doanh nghiệp với từng loại hình thiên tai cụ thể. Khả năng này liên quan chặt chẽ với cách thức tổ chức, cơ chế hoạt động và quản lý của doanh nghiệp. Đồng thời cũng liên quan đến phương thức và mức độ chặt chẽ khi lập kế hoạch SXKD của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp với cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có cơ chế, chế tài rõ ràng để đảm bảo việc huy động, tổ chức, bố trí nhân lực phù hợp, phân công cụ thể và giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý RRTT hiệu quả và có kế hoạch đồng bộ thì sẽ có khả năng chủ động ứng phó một cách kịp thời khi có thiên tai xảy ra.

- **Khả năng về cơ sở vật chất:** là tất cả những biểu hiện tích cực về mặt cơ sở vật chất như: nhà xưởng, kho tàng, máy móc thiết bị, sản phẩm, dịch vụ, nguyên nhiên liệu và cả mặt tài chính... góp phần làm giảm bớt thiệt hại của doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra, và giúp đẩy nhanh khả năng hồi phục của doanh nghiệp sau khi đã chịu ảnh hưởng của thiên tai. Chẳng hạn nhà xưởng xây kiên cố, đặc điểm của sản phẩm, nguyên liệu ít bị hư hỏng nếu có thiên tai, hệ thống thoát hiểm đảm bảo tiêu chuẩn, có địa điểm dự phòng để sơ tán nhân viên, di dời tài sản, bảo quản trang thiết bị, tiềm năng tài chính của doanh nghiệp, khả năng huy động vốn, mua bảo hiểmđều làm giảm mức độ tổn thương của doanh nghiệp dưới tác động của thiên tai. Đây chính là những năng lực ứng phó của doanh nghiệp.

- **Khả năng về đối tác, mạng lưới.** Là tất cả những mặt tích cực trong các mối quan hệ hợp tác của doanh nghiệp với các bạn hàng khác. Điều này có thể thể hiện ngay ở năng lực của bản thân các doanh nghiệp đối tác, những thỏa thuận, cam kết của doanh nghiệp với các đối tác có khả năng giúp doanh nghiệp hạn chế được những rủi ro, thiệt hại cho doanh nghiệp khi có thiên tai xảy ra, chẳng hạn các điều khoản về đền bù, thời điểm giao hàng... Năng lực đối tác cũng được mạnh thêm khi doanh nghiệp có được mạng lưới rộng rãi và khả năng huy động sự tương trợ của các doanh nghiệp bạn, hoặc của toàn bộ mạng lưới.

**** Lưu ý:** Khi phân tích khả năng của doanh nghiệp cũng cần phân tích rõ các biểu hiện tích cực là gì, mức độ chủ động của doanh nghiệp trong vấn đề đó như thế nào, khả năng huy động ra sao khi có thiên tai xảy ra.

Bảng tổng hợp khả năng của doanh nghiệp

Loại hình thiên tai:.....

	Yếu tố đánh giá khả năng	Biểu hiện khả năng	Khả năng huy động	Mức độ chủ động
1	Về con người và,cơ chế tổ chức			
2	Về tài sản: -Nhà xưởng, -Máy móc thiết bị, -Sản phẩm, dịch vụ -Nguyên nhiên liệu. -Tài chính			
3	Về đối tác -Khách hàng -Nhà cung cấp. -Thị trường			

Bước 4: Phân tích rủi ro thiên tai của doanh nghiệp và xác định giải pháp ứng phó

Việc phân tích rủi ro thiên tai của doanh nghiệp chính là kết quả tổng hợp của quá trình phân tích nguy cơ của các loại hình thiên tai đối với DN và địa bàn đặt doanh nghiệp, phân tích mức độ dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó của doanh nghiệp/ Mức độ rủi ro trong mỗi nội dung/yếu tố cụ thể, sẽ gia tăng khi:

- 1). Cường độ, mức độ ảnh hưởng của một loại hình thiên nhất định tới yếu tố cụ thể đó càng lớn, hay
- 2). Tính DBTT của doanh nghiệp càng cao.

Ngược lại, mức độ rủi ro sẽ giảm nếu doanh nghiệp có khả năng ứng phó tốt trong lĩnh vực đó. Việc đánh giá rủi ro theo từng nội dung tương tự khi đánh giá tính DBTT và khả năng, được tổng hợp theo bảng như sau:

Bảng phân tích mức độ rủi ro và giải pháp khắc phục

Loại hình thiên tai:.....

	Yếu tố	Biểu hiện DBTT	Biểu hiện khả năng	Giải pháp khắc phục
1	Về con người và,cơ chế tổ chức			
2	Về tài sản: -Nhà xưởng, -Máy móc thiết bị, - Sản phẩm, dịch vụ -Nguyên nhiên liệu. -Tài chính			
3	Về đối tác -Khách hàng -Nhà cung cấp. -Thị trường			

Cơ sở để phân tích rủi ro của doanh nghiệp:

Việc phân tích rủi ro của doanh nghiệp cần được phân tích dựa trên những số liệu, thống kê chính xác và minh chứng hoặc kinh nghiệm là cụ thể, đáng tin cậy. Những cơ sở thông tin mà doanh nghiệp cần nắm rõ khi phân tích:

- Quy hoạch tổng thể của địa bàn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.
- Chiến lược ứng phó thiên tai của địa phương.
- Các báo cáo, tổng hợp, bản đồ cập nhật, thông tin cảnh báo về các loại hình và xu hướng thiên tai ở địa phương.
- Các văn bản chỉ đạo của chính quyền địa phương.
- Các báo cáo tổng kết những thiệt hại do thiên tai gây nên ở địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở và các vùng nguyên liệu, địa bàn tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp và tác động của nó đến các loại hình kinh doanh, dịch vụ khác nhau của doanh nghiệp.
- Các thông tin, định hướng chính sách có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp.
- Cơ cấu tổ chức, nhân sự và các cơ chế, quy trình trong các doanh nghiệp.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN.
- Cơ cấu tổ chức, trình độ kỹ năng của đội ngũ cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp.
- Các cam kết, điều kiện hợp tác với các đối tác.
- Điều kiện, khả năng và mức độ rủi ro của các doanh nghiệp đối tác đơn vị cung cấp nguyên liệu đầu vào, đối tác tiêu thụ sản phẩm, đối tác hợp tác sản xuất, đối tác đóng góp/nhận vốn...
- Hiện trạng của mạng lưới hợp tác, liên kết của doanh nghiệp với các khách hàng, nhà cung cấp dịch vụ.

3.4.2. Phương pháp và công cụ phân tích rủi ro thiên tai của doanh nghiệp

Có nhiều phương pháp khác nhau để giúp cho quá trình phân tích rủi ro của doanh nghiệp được tiến hành một cách có hiệu quả như: Phương pháp phân tích SWOT và phương pháp sử dụng các công cụ tạo sự tham gia của các bên liên quan. Tùy theo quy mô sản xuất, mức độ phức tạp của các yếu tố liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để lựa chọn và vận dụng cho phù hợp.

Lưu ý rằng, việc phân tích tính rủi ro trong thiên tai của doanh nghiệp không chỉ phục vụ mục đích để đánh giá, báo cáo để cung cấp thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp hay chính quyền địa phương, mà đây cũng chính là tiền đề để nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ, nhân viên trong doanh nghiệp về các loại hình thiên tai, mức độ rủi ro đối với doanh nghiệp, và từ đó tạo cơ sở để xây dựng ý thức chủ động ứng phó với thiên tai cho mỗi nhân viên, cũng như các bên liên quan khác. Việc phân tích cũng có thể được tiến hành ở nhiều cấp, nhiều mức độ khác nhau.

Chính vì thế, việc phân tích cần được tiến hành một cách công khai, với sự tham gia rộng rãi của đông đảo nhân viên của doanh nghiệp.

Có một số công cụ có thể sử dụng khi phân tích nhằm đảm bảo sự tham gia tốt nhất của các thành phần liên quan. Ở mỗi bước khác nhau, có thể sử dụng công cụ khác nhau cho phù hợp

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	CÔNG CỤ THƯỜNG DÙNG
Đánh giá các loại hình thiên tai	- Bản đồ sơ lược về quy hoạch địa phương - Sơ đồ vùng thiên tai - Lịch thiên tai
Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng	- Sơ đồ mặt bằng doanh nghiệp. - Lịch sản xuất kinh doanh - Xếp hạng,

Cách thức xây dựng và phân tích các công cụ được trình bày trong phụ lục 2

3.5. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong doanh nghiệp

3.5.1. Giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai

Giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai là giảm bớt những thiệt hại có thể xảy ra cho doanh nghiệp (về con người, về cơ sở hạ tầng, về thị trường, sản phẩm, doanh thu...) do các nguy cơ thiên tai cụ thể gây ra. Rủi ro trong thiên tai sẽ càng lớn khi nó tác động đến một doanh nghiệp có nhiều yếu tố dễ bị tổn thương và có nhiều hạn chế về khả năng. Chính vì thế, mục đích của giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai chính là giảm nhẹ tác động của nó, khắc phục các yếu tố gây nên tình trạng dễ bị tổn thương và phát huy những yếu tố làm tăng cường khả năng ứng phó của doanh nghiệp.

Để xác định được các biện pháp giảm nhẹ rủi ro phù hợp nhằm khai thác và tận dụng khả năng của doanh nghiệp cũng như giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương, chúng ta cần xem xét các hiểm họa có thể tác động đến doanh nghiệp, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng khắc phục hiểm họa, rủi ro của doanh nghiệp đó. Thông qua việc tiến hành đánh giá rủi ro trong thiên tai, xem xét lại các cách nhận thức khác nhau về rủi ro và xác định yếu tố rủi ro nào cần được ưu tiên. Xác định các biện pháp giảm nhẹ rủi ro có thể thông qua các bước như sau:

3.5.2. Các bước xác định những biện pháp giảm nhẹ rủi ro

- Đánh giá thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng giảm thiểu DBTT.
- Xác định và sắp xếp ưu tiên những tình trạng dễ bị tổn thương.
- Phân tích các hoạt động truyền thống đã được doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả để giảm tình trạng dễ bị tổn thương.
- Liệt kê các biện pháp giảm nhẹ rủi ro có thể áp dụng được.
- Lựa chọn các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thích hợp với doanh nghiệp.
- Xếp hạng các biện pháp giảm nhẹ rủi ro theo thứ tự ưu tiên.
- Thống nhất về các biện pháp giảm nhẹ rủi ro trong doanh nghiệp.
- Xác định phạm vi can thiệp dựa trên nguồn lực, kỹ năng và ưu tiên hoạt động của doanh nghiệp

3.5.3 Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Thông thường, giải pháp để phòng ngừa giảm nhẹ RRTT được xếp vào 2 nhóm giải pháp chính:

Nhóm giải pháp “phi công trình”

Khi nhắc đến quản lý/phòng ngừa rủi ro thiên tai người ta thường nghĩ đến các giải pháp liên quan đến gia cố công trình, nhà xưởng, kho tàng... hay nói cách khác là các giải pháp công trình. Trên thực tế, các giải pháp phi công trình đóng vai trò quan trọng không kém, thậm chí có vai trò quyết định đến

khả năng QLRRTT của doanh nghiệp, quyết định hiệu quả của các giải pháp kỹ thuật và công trình. Về nguyên tắc, giải pháp phi công trình là toàn bộ những biện pháp làm phát huy các khả năng và hạn chế các biểu hiện dễ bị tổn thương của doanh nghiệp trong các lĩnh vực: nhân lực, cơ chế tổ chức, tài chính, nguyên nhiên liệu, sản phẩm, đối tác, mạng lưới, thị trường.

Một số giải pháp phi công trình trong QLRRTT, có thể là:

- Nâng cao kiến thức, nhận thức và kỹ năng của công nhân viên trong doanh nghiệp về phòng ngừa và giảm nhẹ và khắc phục rủi ro thiên tai;
- Bố trí nhân lực đầy đủ với cơ chế tổ chức phù hợp, trách nhiệm rõ ràng để đảm nhận nhiệm vụ ứng phó thiên tai;
- Bố trí nguồn tài chính đầy đủ và ổn định để đảm bảo các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai được thực hiện tốt;
- Đa dạng hóa nguồn cung cấp, bố trí nguồn nguyên, nhiên liệu dự phòng để đảm bảo không bị gián đoạn khi có thiên tai xảy ra;
- Bố trí mùa vụ thích hợp, điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kế hoạch dự trữ/bảo quản sản phẩm để có nguồn cung ổn định;
- Đa dạng hóa các đối tác, chia sẻ rủi ro, hình thành mạng lưới tương trợ, hợp tác khi có thiên tai xảy ra;
- Có tính đến yếu tố thiên tai khi lập kế hoạch phát triển thị trường nhằm đảm bảo tiêu thụ ổn định.

Nhóm giải pháp kỹ thuật và công trình

Nhóm giải pháp này tập trung vào việc tạo một môi trường vật lý an toàn nhất cho con người và các tài sản của doanh nghiệp. Nhóm giải pháp này bao gồm tất cả các biện pháp nhằm giảm thiểu các yếu tố dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng của doanh nghiệp về cơ sở vật chất, nhà xưởng, kỹ thuật, công nghệ, chẳng hạn như:

- Lựa chọn vị trí, địa hình an toàn cho các công trình xây dựng như nhà xưởng, cửa hàng, kho bãi, văn phòng điều hành, trạm y tế, trạm điện và khu ký túc xá công nhân...
- Thiết kế các hệ thống sản xuất, các công nghệ hiện đại để làm tăng độ an toàn và bảo dưỡng cho các công trình xây dựng: văn phòng, nhà xưởng, kho tàng...
- Có hệ thống cảnh báo với thiết kế phù hợp và được bảo dưỡng thường xuyên
- Hệ thống thông tin liên lạc có thể vận hành thông suốt trước, trong và sau thiên tai
- Hệ thống bảo quản, tạm trữ nguyên liệu, bảo quản, dự trữ sản phẩm
- Hệ thống phương tiện vận chuyển đồng bộ và có phương tiện dự phòng
- Chuẩn bị sẵn sàng các trang thiết bị cứu trợ, cứu nạn
- Áp dụng những nguyên tắc xây dựng phòng chống thiên tai
- Có quy hoạch về sử dụng đất và tài nguyên hợp lý.
- Tránh những nơi tập trung các yếu tố chịu rủi ro cao.

3.5.4. Áp dụng “Phương châm bốn tại chỗ” trong QLRRTT đối với doanh nghiệp

Trong công cuộc phòng chống thiên tai, Việt Nam đã thu được nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá được đúc kết từ thực tiễn hộ đê từ đầu những năm 1970. Một trong những bài học đó là đã hình thành lên “Phương châm bốn tại chỗ”, bao gồm: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương

tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Ngày nay “ Phương châm bốn tại chỗ” đã được mở rộng áp dụng trong toàn bộ lĩnh vực phòng chống giảm nhẹ thiên tai và đã được Chính phủ đưa vào hai Văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 8/2006/NĐ-CP, ngày 16/01/2006 và Chiến lược phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được Thủ tư Chính phủ phê duyệt năm 2007).

Tư tưởng chủ đạo và mục đích của “Phương châm bốn tại chỗ” là nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai tiến tới giảm thiệt hại về người, cơ sở vật chất và tài sản của nhân dân, nhà nước do thiên tai gây ra trên cơ sở dựa vào nguồn lực tại chỗ.

Dưới đây xin gợi ý về việc áp dụng “Phương châm bốn tại chỗ” theo từng giai đoạn thiên tai tại các doanh nghiệp

Giai đoạn TT	Trước thiên tai	<i>Trong thiên tai</i>	<i>Sau thiên tai</i>
Các yếu tố			
1. Chỉ huy tại chỗ	-Chỉ đạo quán triệt tư tưởng, kiện toàn cơ cấu tổ chức Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai của DN. -Xây dựng kế hoạch QLRRTT, rà soát và điều chỉnh bổ sung kế hoạch chi tiết QLRRTT hàng năm -Chỉ đạo phân bổ nguồn lực cho các phương án đối phó với từng loại thiên tai -Tổ chức diễn tập cho các bộ phận theo phương án đã nêu trong kế hoạch -Chủ động theo dõi sát sao tình hình thiên tai và những nơi, những tài sản dễ bị tổn thương: nhà xưởng, kho tàng, máy móc thiết bị, hàng hoá... -Phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bộ phận trong DN -Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan QLRRTT của địa phương. -Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cách thức phòng chống thiên tai cho cho cán bộ công nhân viên toàn DN. -Chỉ đạo, rà soát các phương án di dời, bảo vệ NLĐ, tài sản và hậu cần phục vụ công tác di dời trong trường hợp khẩn cấp	-Người chỉ huy phải bám vào phương án đã xây dựng đề ra quyết định theo tình hình thực tế đang xảy ra. -Chủ động theo dõi diễn biến của thiên tai, chỉ đạo đội phòng chống thiên tai của DN bám trụ tại DN để kê kích các máy móc, hoặc di dời sản phẩm hàng hoá hoặc chằng, chống, gia cố nhà xưởng... -Chủ động phối hợp với các lực lượng khác trên địa bàn dân cư tổ chức hỗ trợ giúp đỡ người dân di dời khẩn cấp và cứu hộ, cứu nạn.	-Chỉ đạo khôi phục các dịch vụ thiết yếu: năng lượng, đường, điện, nước. -Chỉ đạo liên lạc với NLĐ để nắm bắt tình hình về ảnh hưởng thiên tai của gia đình NLĐ để có kế hoạch hỗ trợ -Chỉ đạo xử lý môi trường: dọn dẹp đường xá, khai thông hệ thống nước thải. -Chủ động liên lạc lại với Nhà cung cấp và khách hàng quan trọng để nắm bắt được thông tin cần thiết nhằm kịp thời có phương án tìm Nhà cung cấp khác thay thế nhằm đảm bảo tiếp tục SXKD -Chủ động phối hợp chính quyền địa phương để hỗ trợ các gia đình NLĐ của DN khôi phục sau thiên tai. -Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương cứu trợ sau thiên tai

2. Lực lượng tại chỗ	-Lên danh sách các lực lượng nòng cốt (đội ứng phó) tham gia công tác phòng chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn. -Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, bộ phận phụ trách, số người tham gia, phương tiện vật tư cần thiết.	-Các thành viên trong Đội phòng chống thiên tai của DN thực hiện nhiệm vụ đã được phân công và theo sự chỉ huy của lãnh đạo đội. -Tiếp tục tuần tra, kiểm tra tại các điểm dễ bị tổn thương (xung yếu) để phát hiện những tình huống khẩn cấp nhằm ứng phó kịp thời	-Nhanh chóng khôi phục lại các dịch vụ thiết yếu để DN có thể quay lại SXKD bình thường. -Di chuyển máy móc, hàng hoá về nơi cũ. -Dọn dẹp đường xá, khai thông hệ thống nước thải
3. Phương tiện vật tư tại chỗ	-Căn cứ vào việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và tình hình thiên tai tại địa phương mà chủ động bố trí, dự phòng các loại phương tiện, vật tư cần thiết. -Lên danh sách các trang thiết bị, phương tiện, vật tư sẵn có đã được DN chuẩn bị sẵn, đồng thời lên kế hoạch bổ sung khi cần thiết -Kiểm tra lại chức năng hoạt động của các phương tiện, chất lượng và số lượng của các loại vật tư và có phương án sửa chữa hoặc mua bổ sung.	-Huy động và cung cấp các phương tiện, vật tư đã chuẩn bị sẵn cho Đội PCTT để kịp thời ứng phó theo phương án đã chuẩn bị	-Sử dụng các phương tiện, vật tư tại chỗ kết hợp với các cơ quan đơn vị dịch vụ khác để khôi phục lại các dịch vụ thiết yếu như nước sạch, điện, đường... -Liên lạc với các cơ quan, đơn vị dịch vụ thiết yếu
4. Hậu cần tại chỗ	-Chuẩn bị dự phòng năng lượng cần thiết: Xăng, dầu, gas, than củi... ít nhất là 07 ngày trong trường hợp khẩn cấp. -Chuẩn bị thức ăn, thuốc men, nước uống cho Đội PCTT của DN túc trực tại DN. -Chuẩn bị lương thực, nhu yếu phẩm cho các gia đình NLĐ của DN.	-Cung cấp đầy đủ năng lượng đã dự phòng cho công tác ứng phó. -Cung cấp đầy đủ thức ăn, thuốc men, nước uống cho Đội PCTT trong khi họ đang thực hiện nhiệm vụ tại DN. -Cung cấp lương thực và nhu yếu phẩm cho NLĐ nếu gia đình họ yêu cầu	

3.6. Lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai là nhiệm vụ quan trọng và được xem như là mục tiêu của doanh nghiệp nhằm duy trì sản xuất kinh doanh liên tục. Việc phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai cần được lập thành kế hoạch tổng thể và lồng ghép vào chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai mang tính lâu dài, có thể xây dựng cho 1 năm hoặc lâu hơn tùy theo điều kiện của doanh nghiệp, vì vậy kế hoạch này được thực hiện hàng năm kể cả khi không có thảm họa thiên tai xảy ra.

Bước 1: Tổng hợp và phân tích các giải pháp:

Từ kết quả của việc phân tích rủi ro, tính DBTT và khả năng của doanh nghiệp, dựa trên những giải pháp đã được đề xuất, cần tiến hành rà soát lại các giải pháp để lựa chọn giải pháp phù hợp, lập kế hoạch thực hiện. Khi phân tích các giải pháp cần dựa trên những tiêu chí sau:

- Mức độ khẩn thiết của vấn đề mà giải pháp này có thể xử lý. Về nguyên tắc, các giải pháp liên quan đến an toàn sinh mạng, sức khỏe của nhân viên cần được đặt lên ưu tiên hàng đầu khi xét về tính cấp thiết của hoạt động
- Mức độ tác động đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là nhiều hay ít. Ở đây cần xem xét những tác động trước mắt và lâu dài, không chỉ những tác động về mặt tài chính mà còn những tác động về sản phẩm, môi trường, sức khỏe nhân viên....
- Những yêu cầu nhân lực, vật lực, tài chính, kỹ thuật, thời gian... mà doanh nghiệp cần huy động để thực hiện các giải pháp đã đề ra.
- Hiệu quả chi phí khi đầu tư vào giải quyết vấn đề đã chọn. Về nguyên tắc, mỗi chi phí của doanh nghiệp cần được lựa chọn trên cơ sở hiệu quả chi phí cao nhất. Thông thường, chi phí đầu tư cho phòng ngừa thiên tai luôn thấp hơn rất nhiều so với chi phí phải bỏ ra để khắc phục hậu quả thiên tai. Trong trường hợp này cũng cần cân nhắc để phân tích, đánh giá đầy đủ những nguy cơ mất mát thiên tai có thể xảy ra, so sánh mức độ hiệu quả của các giải pháp khác nhau. Bên cạnh đó, cần tính đến những hiệu quả lâu dài, hiệu quả kinh tế xã hội hoặc các hiệu quả định lượng cụ thể mà mỗi giải pháp ứng phó đó mang lại.
- Thời điểm tiến hành có phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hay không.

Sau khi đã phân tích đầy đủ các yếu tố kể trên, cần lựa chọn, ưu tiên những giải pháp mà đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí.

Nguyên tắc lựa chọn các giải pháp:

- Tính nhân đạo, an toàn sinh mạng và sức khỏe của nhân viên là ưu tiên hàng đầu
- Ưu tiên giải pháp đảm bảo tính ổn định sản xuất, phát triển bền vững của doanh nghiệp
- Tìm kiếm cơ hội trong các giải pháp
- Đảm bảo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Công cụ có thể sử dụng để phân tích là ma trận cho điểm/bảng phân tích lựa chọn bằng cách cho điểm theo tiêu chí

Bước 2: Rà soát các nguồn lực, khả năng huy động của doanh nghiệp

Từ những yêu cầu nguồn lực để thực hiện các giải pháp, cần phân tích cụ thể những yêu cầu cần thiết để thực hiện giải pháp đó

- Những nguồn lực hiện có của doanh nghiệp
- Khả năng huy động các nguồn lực từ các nguồn khác nhau
- Khả năng bù đắp, hoàn trả của doanh nghiệp

Bước 3: Lập kế hoạch

Trước khi xây dựng kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai, doanh nghiệp cần tiến hành:

- Thảo luận và xây dựng được các mục tiêu và các chỉ số kế hoạch tạm thời dựa trên kết quả phân tích các dữ liệu thứ cấp, kết quả khảo sát cơ bản và phân tích nguồn lực
- Xác định rõ các hoạt động cần thực hiện ở các cấp độ khác nhau (cá nhân, bộ phận, toàn bộ doanh nghiệp)
- Xác định được những nguồn lực cần huy động, phân bổ để thực hiện được kế hoạch đã xây dựng
- Xác định rõ tiến độ và thời điểm hoàn cho từng hoạt động cụ thể
- Xác định được lực lượng nhân lực và có sự phân công, vai trò cụ thể, cơ chế giám sát để đảm bảo kế hoạch đã xây dựng được thực hiện
- Lưu ý: Kế hoạch giảm nhẹ RRTT của doanh nghiệp cần được lồng ghép với kế hoạch SXKD của doanh nghiệp, nên hết sức tránh sự mâu thuẫn của các hoạt động

Công cụ có thể sử dụng:

- Ma trận (bảng so sánh bằng cách tính điểm theo tiêu chí)
- Sơ đồ venn phân tích vai trò và trách nhiệm các bên liên quan
- Lịch phân công công việc

Khung tổng hợp kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai của doanh nghiệp

STT	Nội dung công việc	Kết quả dự kiến	Thời gian TH		Bộ phận thực hiện	Người điều hành, giám sát	Dự trù kinh phí
			BĐ	KT			
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
.....							

***Một số lưu ý khi xây dựng kế hoạch hoạt động*

- Xây dựng khung thời gian cụ thể và rõ ràng
- Bố trí nhân lực đầy đủ và có phân công trách nhiệm cho từng thành viên, bộ phận, trong đó cần làm rõ vai trò của bộ phận giám sát, đôn đốc thực hiện
- Phân bổ nguồn lực hợp lý, đầy đủ
- Có bộ chỉ số kết quả chi tiết và phù hợp.

Bước 4: Viết bản thuyết minh kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai

Kết cấu, nội dung bản thuyết minh bao gồm:

- **Thông tin chung về doanh nghiệp:** vị trí địa lý, lĩnh vực hoạt động chủ yếu, số lượng cán bộ công nhân viên, sơ đồ mặt bằng của DN, cơ sở vật chất và trang thiết bị: nhà xưởng kho tàng, máy móc và trang thiết bị, loại sản phẩm, hàng hoá, phương tiện vận chuyển, hệ thống giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống liên lạc.
- **Tóm tắt hiện trạng của DN liên quan đến QLRRTT**

Các loại hình thiên tai chính và ảnh hưởng của thiên tai trong những năm qua: nguy cơ rủi ro chính là gì? Bao? lũ lụt? thiên tai khác?; mức độ thiệt hại: nhà xưởng, kho tàng, máy móc thiết bị, hàng hoá sản phẩm, mất nguồn cung ứng nguyên nhiên liệu, công nhân nghỉ việc; phân tích mức độ rủi ro của doanh nghiệp;

- **Các giải pháp:** về con người, cơ cấu tổ chức, về tài sản (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ...), về đối tác (Nhà cung cấp, khách hàng, thị trường...)
- **Kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ:** mục tiêu, kết quả mong đợi, khung kế hoạch chi tiết
- **Tổ chức thực hiện:** thành lập Ban chỉ huy phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai, thành lập đội ứng phó thiên tai, nhiệm vụ/quyền hạn của Ban chỉ huy PNGNTT/đội ứng phó và từng cá nhân: (trước khi có thiên tai, khi có thiên tai xảy ra, sau thiên tai xảy ra), cơ chế thông tin báo cáo.

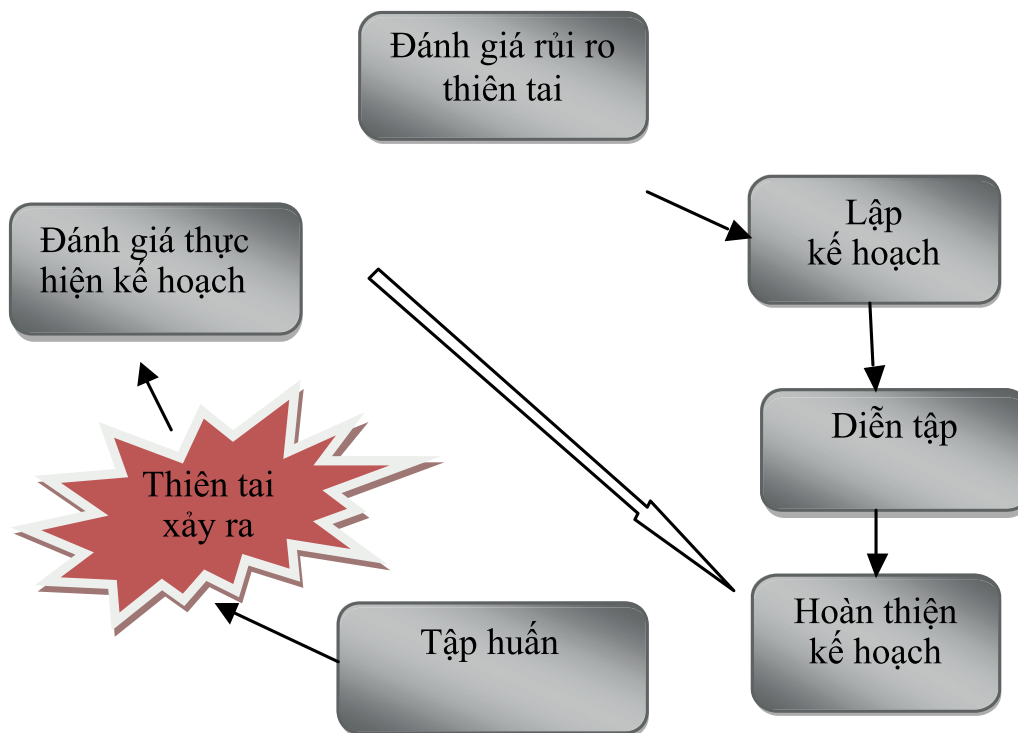
(Mẫu thuyết minh kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai chi tiết tại phụ lục 3.)

3.7. Lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó trong tình huống thiên tai

Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai hàng năm của doanh nghiệp là rất quan trọng để giúp doanh nghiệp có thể chủ động ứng phó với thiên tai khi nó xảy ra. Tuy nhiên, chiến lược dài hạn hoặc kế hoạch hàng năm sẽ chưa thể tính toán hết được những tình huống, chi tiết đến từng cơn bão hay trận lũ. Chính vì thế, việc lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó khẩn cấp rất cần được quan tâm khi sắp có thiên tai xảy ra. Trong bất cứ trường hợp nào, việc chuẩn bị ứng phó khẩn cấp với thiên tai cần được đặt lên ưu tiên hàng đầu trong kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp tại thời điểm sắp có thiên tai xảy ra.

3.7.1. Quy trình lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó thiên tai

Quy trình lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó với thiên tai được thực hiện theo tiến trình sau:



Nguồn: Tổng hợp từ Hiệp hội Quốc tế An ninh Công nghiệp Mỹ (ASIS) (2003), *Cẩm nang Chuẩn bị Phòng chống Thiên tai*, tr 1 <http://www.asisonline.org>

Cơ sở lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó với thiên tai:

- Dựa vào tình hình thiên tai và kinh nghiệm ứng phó của doanh nghiệp trong những năm trước
- Dựa trên những thông tin dự báo về thiên tai sắp xảy ra
- Dựa vào mức độ rủi ro, mức độ thiệt hại mà doanh nghiệp có thể phải hứng chịu.
- Hiện trạng SXKD của doanh nghiệp

Những việc cần làm:

- Rà soát lại những điểm xung yếu, những bộ phận, những vị trí, thiết bị, sản phẩm mà dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai
- Kiểm tra/sửa chữa hệ thống cảnh báo
- Thiết lập các kênh thông tin trực tiếp, đường dây nóng... nhằm đảm bảo thông tin thông suốt bên trong và ngoài doanh nghiệp
- Gia cố các vị trí xung yếu
- Di dời, bảo vệ các bộ phận tài sản có nguy cơ bị ảnh hưởng
- Kiểm tra, chạy thử và bổ sung các phương tiện cứu hộ, cứu nạn
- Chuẩn bị, bổ sung nguyên liệu dự phòng, nhiên liệu thay thế
- Điều chỉnh tiến độ sản xuất, điều chỉnh các dịch vụ
- Xây dựng phương án cứu trợ khi có thiên tai xảy ra
- Hình thành đội ứng phó để điều phối toàn bộ các hoạt động ứng phó
- Cử nhân lực để trực ứng phó thường xuyên

- Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh dự phòng cho doanh nghiệp trong và sau khi thiên tai xảy ra
- Kết nối với cộng đồng thông qua việc trao đổi thông tin và hợp tác chặt chẽ với các bên tham gia bao gồm: cơ quan quản lý nhà nước về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, các tổ chức nhân đạo, cơ quan truyền thông và các nhóm cộng đồng

3.7.2. Lập kế hoạch chuẩn bị ứng phó:

Tùy theo quy mô và điều kiện thực tế của DN, một số phương án ứng phó khẩn cấp với thiên tai của doanh nghiệp cần chuẩn bị, bao gồm một số phương án sau: (1) Phương án sơ tán nhân viên (2) Phương án di dời và bảo vệ tài sản (3) Phương án duy trì thông tin liên lạc trong tình huống thiên tai.(4) Phương án khách hàng và nhà cung cấp (5). Phương án hậu cần

- **Khung phương án sơ tán cho nhân viên**

TT	Đối tượng/số lượng	Địa điểm hiện tại	Địa điểm sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Người/bộ phận chịu trách nhiệm	Kinh phí
1						
2						
3						
TT	Hậu cần cho nhân viên tại nơi sơ tán	Số lượng	Địa điểm cung cấp	Phương tiện vận chuyển	Người/bộ phận chịu trách nhiệm	Kinh phí
1	Lương thực					
2	Nước uống					
3	Túi cứu thương					
4	Chăn màn					
5						

- **Khung phương án di dời và bảo vệ tài sản**

TT	Đối tượng cần di dời	Điều kiện giả định	Vị trí hiện tại	Vị trí chuyển đến	Thời điểm thực hiện		Cách thức di dời	Các yêu cầu, điều kiện để thực hiện	Bộ phận thực hiện	Dự kiến kinh phí (đ)
					Bắt đầu	Kết thúc				
1	Máy móc, thiết bị	Loại hình thiên tai, cấp độ, thời gian kéo dài								
2	Hàng hóa									
3	Nguyên liệu									
4	Hồ sơ tài liệu									

TT	Đối tượng cần bảo vệ	Điều kiện giả định	Vị trí hiện tại	Thời điểm TH		Cách thức bảo vệ	Các yêu cầu, điều kiện để thực hiện	Bộ phận thực hiện	Dự kiến kinh phí (đ)
				Bắt đầu	Kết thúc				
1	Nhà xưởng, kho tàng	Loại hình thiên tai, cấp độ, thời gian kéo dài							
2	Máy móc, thiết bị								
3	Hàng hóa								
4	Nguyên liệu								
5	Hồ sơ tài liệu								

• **Khung phương án duy trì thông tin liên lạc trong tình huống thiên tai**

TT	Loại thông tin	Nội dung tối thiểu	Thời điểm, tần suất cập nhật	Đầu mối cung cấp	Phương tiện thông tin	Nơi tiếp nhận	Điều kiện giả định	Phương án thay thế	Dự kiến kinh phí (đ)
1	Thiên tai								
2	Nhân sự								
3	Tài sản								
4	Đối tác								
....									

• **Khung phương án khách hàng và nhà cung cấp.**

TT	Tên nhà cung cấp/ khách hàng	Điểm mạnh/ khả năng có thể khai thác	Điểm yếu/mức độ rủi ro	Mức độ liên quan/tác động đến DN	Giải pháp khắc phục	Dự kiến kinh phí (đ)
I	Nhà cung cấp NL					
1						
2						
II	Khách hàng					
1						
2						
3						

• **Phương án hậu cần**

TT	Nhu cầu	ĐVT	S.lượng	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm TH	Bộ phận phối hợp

(Tổng hợp các yêu cầu, điều kiện về hậu cần để thực hiện của các phương án khác)

3.8. Kế hoạch phục hồi sản xuất sau thiên tai

Sau thiên tai, nhiều doanh nghiệp có thể rơi vào tình trạng khó khăn, ảnh hưởng đến kinh doanh và việc làm của người lao động. Chính vì vậy mà doanh nghiệp cần phải có những kế hoạch khắc phục hậu quả có hiệu quả và nhanh chóng để đưa hoạt động kinh doanh trở lại bình thường càng sớm càng tốt.

3.8.1. Những công việc doanh nghiệp cần phải làm để sớm khôi phục lại sản xuất kinh doanh :

- Đánh giá thiệt hại và lập báo cáo gửi các cơ quan có liên quan (theo qui định hoặc theo sự cần thiết).
- Tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía chính quyền và các tổ chức.
- Hỗ trợ người lao động (bản thân và gia đình bị tổn hại về sức khỏe và tài sản, bị mất việc làm.)
- Tìm nguồn vốn phục hồi sản xuất kinh doanh .
- Làm việc với tổ chức Bảo hiểm để nhận bồi thường bảo hiểm.
- Sửa chữa và dọn dẹp vệ sinh sau thiên tai (nhà xưởng, hệ thống điện, nước và hệ thống vận hành các thiết bị khác. Đường sá, cống rãnh thoát nước, hóa chất độc hại, các vật liệu nguy hiểm, truyền thông nâng cao nhận thức và trách nhiệm ...)
- Đưa các thiết bị và máy móc về vị trí ban đầu.
- Làm việc với các đối tác, khách hàng/nhà cung cấp.
- Chuẩn bị đủ các điều kiện để vận hành lại toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.8.2.: Xây dựng kế hoạch phục hồi

Bước 1: Đánh giá thiệt hại sau thiên tai.

Rà soát các tác động, thiệt hại, mất mát mà doanh nghiệp hứng chịu khi có thiên tai xảy ra. Bên cạnh đó, cần phân tích các xu hướng, diễn biến của các yếu tố đó sau khi thiên tai xảy ra do tác động lâu dài của thiên tai. Việc rà soát cần được thực hiện ngay sau khi có thiên tai xảy ra, dựa trên những yếu tố bao hàm trong tính dễ bị tổn thương và năng lực của doanh nghiệp, với từng bộ phận, phòng ban của doanh nghiệp, cụ thể là:

- **Về nhân lực:** Cần thống kê đầy đủ những tác động của thiên tai đến lực lượng lao động của doanh nghiệp, ví dụ như: bao nhiêu người bị ảnh hưởng sức khỏe, bao nhiêu lao động phải nghỉ việc. Đồng thời cũng cần phân tích xu hướng sau thiên tai về khả năng, những khó khăn/thuận lợi trong việc huy động nguồn nhân lực để khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và những yêu cầu, giải pháp mà doanh nghiệp cần thực hiện để huy động.
- **Về tài sản :** cần thống kê tất cả những thiệt hại về nhà xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền SX và khả năng phục hồi hoạt động hoặc thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị đó.
 Tổng hợp những tổn thất trực tiếp và gián tiếp mà thi thiên tai gây ra đối với sản phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho thị trường. Chẳng hạn sự hao hụt, mất mát về số lượng, giảm sút về chất lượng, giá cả sản phẩm....khả năng tận dụng sản phẩm như thế nào?...
 Thống kê đầy đủ những mất mát về tài chính, trực tiếp hoặc gián tiếp do thiên tai gây ra. Bên cạnh đó, cần xác định những nguồn tài chính mà doanh nghiệp có thể huy động được để phục vụ công tác tái sản xuất. Những quy trình, thủ tục cần thực hiện để khai thác các nguồn tài chính đó.
- **Về đối tác:** Cần nắm được thông tin về mức độ tác động của thiên tai đến các đối tác của doanh nghiệp, mức độ ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác với doanh nghiệp đó như thế nào. Bên cạnh đó, cũng cần tìm kiếm những cơ hội huy động sự tương trợ, hỗ trợ hoặc hợp tác với các đối tác thay thế.
- **Tác động về mặt thị trường:** Là sự phân tích những thay đổi về đơn đặt hàng truyền thống, nhu cầu của thị trường nói chung với loại sản phẩm mà doanh nghiệp đang cung cấp. Tác động này có thể là những thay đổi cả tích cực và tiêu cực đối với nhu cầu thị trường về số lượng, chất lượng, chủng loại sản phẩm, sự thay đổi tương quan cạnh tranh với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch phục hồi sản xuất:

Khi xây dựng kế hoạch tái sản xuất, cần dựa trên những phân tích về tổn thất và khả năng phục hồi của doanh nghiệp. Đồng thời cần phân tích hiệu quả kinh tế mà hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ mang lại. Ở đây cần lưu ý những điều chỉnh trong kế hoạch sản xuất kinh doanh là rất cần thiết để đảm bảo việc khôi phục sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với những điều kiện đã thay đổi do thiên tai gây nên.

Khung kế hoạch phục hồi sau thiên tai

TT	Hoạt động	Thời gian thực hiện		Người/bộ phận chịu trách nhiệm	Người/bộ phận phối hợp	Kinh phí thực hiện
		BĐ	KT			
1						
2						
3						
4						
.....						

3.9. Tổ chức thực hiện và giám sát:

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch có thành công, mang lại hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào quá trình phân tích rủi ro thiên tai, đánh giá tính DBTT và khả năng của doanh nghiệp, cũng như sự phân tích, lựa chọn các giải pháp. Bên cạnh đó trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động cần lưu ý các điểm sau:

1. Triển khai kế hoạch: Kế hoạch QLRRTT cần được thống nhất và triển khai đến tất cả các phòng ban, bộ phận liên quan. Kế hoạch QLRRTT cần được coi như một phần trong kế hoạch SXKD của mỗi phòng ban, bộ phận. Tùy theo quy mô của doanh nghiệp mà hình thức triển khai có thể khác nhau. Những yêu cầu cơ bản khi triển khai kế hoạch phải đảm bảo là:
 - a. Mỗi đơn vị cá nhân hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ của mình,
 - b. Thống nhất được các chỉ tiêu kết quả cần đạt,
 - c. Xác định được cơ chế điều phối, kết hợp khi thực hiện các hoạt động,
 - d. Cam kết của các bên thực hiện và duy trì các cam kết
2. Nâng cao năng lực, bổ sung kỹ năng để thực hiện kế hoạch. Để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch QLRRTT của doanh nghiệp, mỗi cán bộ, công nhân của doanh nghiệp cần có được những kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện tốt những kế hoạch đã đề ra. Tùy theo quy mô và mức độ rủi ro, đặc thù của lĩnh vực SXKD của doanh nghiệp mà cần có kế hoạch xây dựng năng lực một cách phù hợp.
3. Đôn đốc, giám sát và điều chỉnh hoạt động khi cần thiết. Để thực hiện tốt việc đôn đốc, giám sát, cần đảm bảo những yêu cầu sau:
 - a. Xây dựng được một lịch trình, kế hoạch giám sát thường xuyên.
 - b. Có hệ thống sổ sách, mẫu biểu khoa học.
 - c. Có cơ chế báo cáo rõ ràng và minh bạch.
4. Khen thưởng, động viên: Không giống như các hoạt động SXKD thường xuyên của doanh nghiệp, các hoạt động QLRRTT thường không mang lại lợi nhuận trực tiếp, và khó “đong đếm” được mức độ hiệu quả vật chất mà nó mang lại. Chính vì thế mà cũng cần có cơ chế phương pháp tổ chức linh hoạt để động viên, khích lệ các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt.

3.10. Lồng ghép QLRRTT trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Lồng ghép phòng ngừa RRTT vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp là việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch SXKD đã thiết lập nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những tác hại do thiên tai gây ra một cách chủ động và hiệu quả nhất.

Lợi ích của lồng ghép có thể được tóm tắt như sau:

- Bảo đảm cho các mục tiêu sản xuất kinh doanh ổn định, phát triển bền vững của doanh nghiệp, và giảm thiểu các tổn thương thiên tai gây ra
- Tránh được những tình trạng ứng phó sai lệch
- Tăng khả năng phục hồi sau thiên tai, đảm bảo mọi cá nhân, bộ phận trong doanh nghiệp đều được nâng cao năng lực ứng phó với RRTT.

- Sử dụng có hiệu quả chi phí và nguồn nhân lực

Nguyên tắc và cơ sở lồng ghép QLRRTT vào các kế hoạch sản xuất kinh doanh

Các sơ sở để lồng ghép

- Kế hoạch phát triển SXKD của doanh nghiệp, kế hoạch của các bộ phận liên quan, quy hoạch vùng sản xuất, nhà xưởng, thiết bị...
- Tổng hợp cơ sở dữ liệu về diễn biến các loại hình thiên tai và rủi ro mà doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng. Cụ thể là các số liệu về các loại hình thiên tai có trên địa bàn, tần xuất và thời điểm và địa điểm thường xuyên xảy ra các loại thiên tai đó, các tác động của thiên tai từ xưa đến nay, số liệu về dự báo về các thiên tai tiềm ẩn trong tương lai,...
- Cơ sở dữ liệu về phân tích tính dễ bị tổn thương và khả năng của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực, từng bộ phận cụ thể
- Cơ sở phân tích tác động của thiên tai đến các bên liên quan như: khách hàng, đối tác, thị trường,....
- Các chính sách của nhà nước liên quan đến vấn đề QLRRTT trong doanh nghiệp

Các nguyên tắc cần đảm bảo khi lồng ghép RRTT trong kế hoạch SXKD của doanh nghiệp

- Loại trừ hoặc giảm thiểu các yếu tố mâu thuẫn trong kế hoạch SXKD với xu hướng thiên tai ở địa phương.
- Sự hòa hợp giữa các bộ phận, các khâu trong chuỗi SX KD
- Nhận thức đầy đủ của tất cả các phòng ban, bộ phận và mỗi cán bộ nhân viên trong việc lồng ghép các yếu tố QLRRTT trong DN và trong phạm vi công việc của họ.
- Có tiêu chí, chỉ số rõ ràng để giám sát việc thực hiện lồng ghép
- Có sự rà soát và điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với sự thay đổi điều kiện

Các bước thực hiện lồng ghép

Trình tự	Nội dung thực hiện	Giải thích tiến trình
Bước 1	Xác định chỉ tiêu của quá trình lồng ghép QLRRTT	Xác định chỉ tiêu của quá trình lồng ghép QLRRTT là một bước rất quan trọng nhằm vạch ra một mục tiêu cần đạt được của quá trình lồng ghép. Nếu chúng ta đặt ra quá nhiều mục tiêu hoặc mục tiêu quá cao thì sẽ khó thành công trong quá trình thực hiện. Việc lồng ghép không thể tiến hành đại trà mà cần lựa chọn các chỉ tiêu ưu tiên phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp, với nguồn vốn, nguồn nhân lực và điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
Bước 2	Đánh giá RRTT đến các chiến lược, kế hoạch SXKD của từng bộ phận	Việc đánh giá RRTT cần đề được phân tích đầy đủ cả 3 yếu tố là: Đánh giá xu hướng thiên tai, các yếu tố dễ bị tổn thương của doanh nghiệp và khả năng ứng phó. Việc đánh giá cần được thực hiện với từng bộ phận, từng đơn vị trong doanh nghiệp, với từng loại thiên tai cụ thể

Bước 3	Rà soát lại các chiến lược, kế hoạch phát triển SXKD	Việc rà soát các chiến lược, kế hoạch phát triển SXKD của doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính thống nhất, hài hòa giữa mục tiêu SXKD của doanh nghiệp với diễn biến thiên tai ở địa phương, tránh các mâu thuẫn trong quá trình lập kế hoạch. Chẳng hạn: không thể lập kế hoạch xây dựng kho bảo quản sản phẩm tại địa điểm mà dễ bị chia cắt khi có lũ, lụt xảy ra.
Bước 4	Đánh giá nhận thức và năng lực nhằm thực hiện quá trình lồng ghép	Đây cũng là một bước hết sức quan trọng đảm bảo cho sự thành công của việc lồng ghép. Để việc lồng ghép được hiệu quả, cần có được sự nhận thức đầy đủ của tất cả các nhân viên, cán bộ, phòng ban trong doanh nghiệp. Năng lực thực hiện bao gồm cả những kiến thức, kỹ năng ứng phó với từng loại thiên tai cụ thể mà còn thể hiện ở việc hiểu rõ những yêu cầu lồng ghép trong phạm vi công việc mà mình đảm nhận
Bước 5	Phân tích hiệu quả của các hoạt động lồng ghép (tích cực và tiêu cực)	Bước này nhằm lựa chọn ra phương án lồng ghép tối ưu nhất, phù hợp với quy mô và điều kiện của doanh nghiệp. Có thể sử dụng công cụ đánh giá SWOT để phân tích các yếu tố thuận lợi, khó khăn, ưu điểm, khuyết điểm, cơ hội và thách thức nhằm lựa chọn ra những giải pháp tối ưu trong quá trình lồng ghép
Bước 6	Điều chỉnh, bổ sung chiến lược, kế hoạch SXKD của doanh nghiệp	Từ kết quả phân tích ở các bước kể trên, chiến lược SXKD của doanh nghiệp sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp nhất. Cần lưu ý, các hoạt động lồng ghép cần được tiến hành đồng bộ, trong từng nội dung, từng khâu công việc cụ thể
Bước 7	Xây dựng/điều chỉnh cơ chế và các quy trình để thực hiện lồng ghép	Cần có sự bố trí nhân sự hợp lý với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng cơ chế điều phối hợp tác chặt chẽ để đảm bảo việc lồng ghép được thực hiện nghiêm túc và đúng hướng
Bước 8	Thực hiện và giám sát quá trình lồng ghép trong chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD của DN	

Các nội dung lồng ghép:

Tương tự như khi phân tích tính dễ bị tổn thương và khả năng của doanh nghiệp, việc lồng ghép cũng được thực hiện ở các nội dung sau đây

- **Về nhân lực:** là việc thu xếp, điều chuyển nhân lực để thực hiện các hoạt động ứng phó thiên tai, cũng có thể là việc bổ sung hoạt động nâng cao năng lực về QLRRTT cho cán bộ công nhân viên, hay việc điều chỉnh kế hoạch, hình thức tuyển dụng cho phù hợp nhất với xu hướng thiên tai ở địa phương và tính chất công việc của DN
- **Về tổ chức, cơ chế:** Là việc điều chỉnh các quy trình công tác, nội quy, sao cho đảm bảo việc phản ứng mau lẹ nhất khi có TT xảy ra. Việc điều chỉnh quy chế cũng có thể như việc thay đổi giờ giấc làm việc, mùa vụ sản xuất
- **Về cơ sở vật chất:** Bao gồm nhiều hoạt động khác nhau như: quy hoạch lại nhà xưởng, trang bị phương tiện cứu hộ cứu nạn, bổ sung các trang thiết bị, bổ sung phương tiện cần thiết....
- **Về mặt kỹ thuật:** đó là việc cải tiến các quy trình sản xuất, kinh doanh, thay đổi công nghệ nhằm đảm bảo yếu tố RRTT được hạn chế tối đa.
- **Về tài chính:** Ở đây có thể bao gồm việc thiết lập các quỹ dự phòng, mua bảo hiểm

- **Về nguyên, nhiên liệu:** Là việc quy hoạch lại vùng nguyên liệu cho phù hợp, đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu, sử dụng nguyên liệu thay thế...
- **Về sản phẩm, dịch vụ:** điều chỉnh về chủng loại, cơ cấu ngành hàng, thời vụ sản phẩm, giá bán, sản lượng, có kế hoạch bảo quản sản phẩm khi có thiên tai...
- **Về đối tác:** là việc điều chỉnh, đa dạng hóa, thay đổi đối tác, hoặc điều chỉnh các điều khoản trong thỏa thuận hợp tác để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra mà do đối tác mang lại khi có thiên tai
- **Về thị trường.** Việc nghiên cứu thị trường để tìm hiểu tác động của thiên tai đến thị trường của doanh nghiệp, từ đó có thể điều chỉnh phát triển các thị trường thay thế khi có RRTT xảy ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A Disaster Planning Toolkit for the Small to Mid –Sized Business Owner – Institute for Business & Home Safety

Business Partners Disaster Preparedness & Continuity Guide – Enterprise Charlotte Foundation

Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 172/2007/QĐ –TTg, ngày 16/11/2007 của Chính phủ.

Community –Base Disaster Risk Management, Field Practitioner’ Handbook – Asian Disaster Preparedness Center (ADPC)

Corporate Engagement in Disaster Preparedness, Response and Recovery – The Public-Private Partnerships for Disaster Management in China Initiative, June 2008

Disaster prevention: a role for business, August 2006.- International Federation of Red Cross and Red Crescent Societies/ the Prevention Consortium/Maplecroft

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA) - Hội chữ thập đỏ Việt Nam

Private Sector Activities in Disaster Risk Reduction, Good Practices and Lessons Learned, 2008 – United Nations, International Strategy for Disaster Reduction (UNISDR)

Phương châm bốn tại chỗ trong phòng chống thiên tai, 2010 - Dự án Vận động Chính sách Phòng chống thiên tai dựa vào cộng đồng (JANI)

Ready Business Mentoring Guide, Working with Small Businesses to Prepare for Emergencies – US. Department of Homeland Security

Sổ tay phòng ngừa giảm nhẹ ảnh hưởng của lũ bão dành cho cộng đồng – Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam

Tài liệu tập huấn: Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng- 2008 - Dự án sẵn sàng ứng phó, tăng cường năng lực phòng ngừa và thông tin cảnh báo sớm giảm nhẹ các ảnh hưởng do bão lụt tại Bình định – DIPECHO

Tài liệu hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm, 2010 - Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (DMC), Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão TW

Tài liệu phòng ngừa thảm họa, 2000 – Hội chữ thập đỏ Việt Nam tài trợ bởi DIPECHO

Tài liệu tập huấn: Lập kế hoạch quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng, 2005 - Hội chữ thập đỏ Tiền Giang

Tài liệu tập huấn: Nâng cao năng lực phòng chống lụt bão cấp xã – Chương trình quản lý và giảm nhẹ lũ của Ủy hội sông Mê Công (MRC)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I: CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI VÀ BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ RRTT

1. Áp thấp nhiệt đới và bão

Khái niệm

Áp thấp nhiệt đới và bão là một cơn gió xoáy có phạm vi rộng, có thể ảnh hưởng tới một vùng có bán kính từ 200–500 km. Chúng thường gây ra gió lớn và mưa rất to.

Tốc độ gió được đo theo một bảng gọi là Bảng Beaufort. Bảng này phân chia tốc độ gió của bão, áp thấp nhiệt đới và nhiều động nhiệt đới từ cấp 1 đến cấp 17 và thành số kilomet/giờ. Khi sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm của gió xoáy đạt tới cấp 6, cấp 7 (39 đến 61 km/giờ) thì được gọi là áp thấp nhiệt đới; khi sức gió mạnh nhất đạt từ cấp 8 trở lên (từ 62 km/giờ trở lên) thì được gọi là bão.

Nguyên nhân:

Nguyên nhân hình thành áp thấp nhiệt đới và bão rất phức tạp. Cho tới nay, các nhà khoa học chưa khám phá hết những nguyên nhân hình thành của chúng. Tuy nhiên, người ta cũng rút ra một số kết luận là những cơn áp thấp nhiệt đới và bão như vậy dễ hình thành trên vùng biển nhiệt đới, đặc biệt trong khoảng từ vĩ tuyến 5 đến vĩ tuyến 20, nơi mà nhiệt độ mặt nước biển không thấp hơn 27 độ C.

Gió xoáy của áp thấp nhiệt đới hoặc bão thổi dồn vào tâm và xoáy ngược chiều kim đồng hồ..

Trong cơn bão mạnh, ở chính vùng trung tâm gió rất yếu, trời quang, mây tạnh. Vùng này thường có bán kính từ vài chục đến 100 km, được gọi là “mắt bão”.

Những thiệt hại chính do áp thấp nhiệt đới và bão gây ra

- Gây thương vong và làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng (chết người, bị thương, gây dịch bệnh...)
- Thiệt hại về vật chất: Hư hỏng công trình, ngưng trệ giao thông, gián đoạn thông tin liên lạc;
- Mất mùa và mất mát tài sản;
- Ô nhiễm môi trường;
- Thiếu lương thực và nước sạch cho sinh hoạt.

Những yếu tố làm tăng thiệt hại do bão gây ra:

- Nằm ở vùng thấp ven biển.
- Khu vực sản xuất, nhà xưởng, ở những vùng thấp trũng ở đồng bằng hay ven biển.
- Hệ thống kho bãi, nhà xưởng thiết kế không phù hợp

- Không có hệ thống cảnh báo và liên lạc cần thiết.
- Nhận thức về rủi ro, hiểm họa còn thấp.
- Cơ sở hạ tầng yếu kém.
- Thiếu sự chuẩn bị cho việc phòng chống bão.

Tác hại

- Tàu, thuyền ở ngoài khơi có thể bị chìm.
- Nước biển dâng lên gây ngập lụt ven biển, làm nhiễm mặn đồng ruộng, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và khu vực nuôi tôm, cua, cá.
- Nước mặn có thể làm ổng giếng hoặc các nguồn nước ngọt khác.
- Có thể tàn phá hoặc làm hư hỏng nhà cửa và tài sản.
- Nhà xưởng, chợ ... cũng có thể bị phá hỏng.
- Làm người chết và bị thương.
- Làm chết gia súc, gia cầm.
- Có thể phá hoại mùa màng và lương thực, sản phẩm dự trữ.
- Làm cây cối bị đổ, gãy, gây cản trở giao thông.
- Đường dây điện có thể bị đứt và có thể gây ra cháy hoặc tai nạn điện.
- Các hệ thống thông tin liên lạc có thể bị gián đoạn.
- Mưa lớn có thể dẫn tới lũ lụt và sạt lở đất.

Những việc cần làm khi có bão

Trước khi có áp thấp nhiệt đới hoặc bão:

- Trồng cây chắn gió xung quanh nhà xưởng để tạo hàng rào bảo vệ chắn gió bão và ngăn không cho đất bị xói mòn.
- Trước mùa bão phải chặt bỏ cành to, cây khô quanh nhà xưởng và trong khu vực để giảm nguy cơ cây gãy, đổ vào nhà khi bão xảy ra.
- Sơ tán các thiết bị, giấy tờ quan trọng đến vị trí an toàn
- Rà soát và bổ xung các thiết bị cứu hộ, cứu nạn
- Dự trữ lương thực, thực phẩm, chất đốt, nước sạch, thuốc men và các vật dụng cần thiết khác ở nơi an toàn và cao ráo trong mùa mưa bão.
- Theo dõi tin bão trên đài phát thanh, truyền hình và loa truyền thanh công cộng.
- Chuẩn bị nhiên liệu thay thế để có thể dùng khi bị cắt điện.
- Chằng chống, gia cố nhà xưởng để có thể chịu được gió to.
- Cất tất cả các đồ vật có thể bị gió bão thổi bay vào vị trí an toàn
- Bảo vệ nguồn nước khỏi bị ô nhiễm (ví dụ: che đậy giếng nước, bể chứa...)
- Xác định vị trí an toàn có thể trú ẩn được nếu phải di sơ tán khỏi cơ quan .
- Đưa gia súc đến nơi an toàn.
- Đưa thuyền, bè neo đậu vào nơi trú ẩn an toàn.

- Bảo vệ dụng cụ đánh bắt cá và khu vực nuôi tôm, cua, cá...
- Phân công lực lượng ứng phó, ứng trực thường xuyên để có phản ứng kịp thời

Trong khi có áp thấp nhiệt đới hặc bão

- Triển khai lực lượng ứng trực kịp thời
- Không tổ chức ra khơi trong thời gian có áp thấp nhiệt đới hoặc bão.
- Cắt điện tạm thời khi có mưa, gió lớn
- Tạm dừng các hoạt động SX KD
- Yêu cầu mọi người ở trong các khu nhà kiên cố, không được đi ra ngoài.

Sau khi có áp thấp nhiệt đới hoặc bão

- Tiếp tục theo dõi thông tin bão trên đài, vô tuyến và loa truyền thanh.
- Rà soát, tổng hợp những thiệt hại do bão gây ra
- Kịp thời sửa chữa, phục hồi hoạt động của các trang thiết bị hư hỏng
- Kiểm tra xem nguồn nước xem có bị xác súc vật chết, nước bẩn hoặc nước mặn làm nhiễm bẩn hay không.
- Kiểm tra các công trình bảo vệ như bờ đê và cây cối xung quanh nhà xem có bị hư hại không.

2. Lũ lụt

Khái niệm:

Lũ là mức nước và tốc độ dòng chảy trên sông, suối vượt quá mức bình thường. Lụt xảy ra khi nước lũ dâng cao tràn qua sông, suối, hồ, đập và đe vào các vùng trũng, làm ngập nhà cửa, cây cối, đồng ruộng.

Nguyên nhân

- Những trận mưa lớn kéo dài có thể gây ra lũ, lụt
- Các công trình xây dựng như đường bộ, đường xe lửa và hệ thống thủy lợi cũng có thể ngăn cản dòng chảy tự nhiên, làm tăng ngập lụt.
- Lũ lụt còn có thể xảy ra khi đê, đập, hồ hoặc kè bị vỡ.
- Các trận bão lớn có thể làm nước biển dâng lên, tiến sâu vào đất liền, gây ra ngập, lụt và nhiễm mặn.

Các loại lũ:

Có 3 loại lũ chính:

Lũ quét:

- Thường xảy ra trên các sông nhỏ hoặc ở miền núi
- Thường là kết quả của những trận mưa rất lớn ở những vùng có độ dốc cao, cây cối bị phá hủy và đất không còn khả năng giữ nước
- Diễn ra trong một thời gian rất ngắn, dòng nước chảy với tốc độ cực lớn, có thể cuốn theo mọi thứ nơi dòng chảy đi qua
- Xuất hiện rất nhanh sau khi trời bắt đầu mưa và khó dự báo trước lũ quét sẽ xảy ra ở đâu

- Có thể xảy ra khi vỡ hồ, đập

Lũ sông

- Xảy ra trên sông khi có mực nước cao hơn và tốc độ dòng nước nhanh hơn mức bình thường
- Thường do các trận mưa lớn ở đầu nguồn gây ra
- Có thể xuất hiện từ từ như ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hoặc nhanh như ở các sông thuộc Trung Bộ

Lũ ven biển (nước biển dâng)

- Xuất hiện khi sóng biển dâng cao đột ngột kết hợp với triều cường, phá vỡ đê hoặc tràn qua đê biển vào đất liền và làm nước sông không chảy thoát ra biển được gây ra ngập lụt đột ngột
- Lũ ven biển thường xảy ra khi có áp thấp nhiệt đới hoặc bão vào gần bờ biển

Tác hại của lũ lụt

- Gây chết người hoặc bị thương.
- Ảnh hưởng đến đời sống của doanh nghiệp (lũ lụt kéo dài có thể làm chậm trễ mùa vụ mới, nguồn nước bị nhiễm bẩn, phát sinh dịch bệnh).
- Làm hư hỏng các công trình (nhà cửa, bệnh viện, trạm y tế, trường học, đường giao thông, đường dây điện, đường dây điện thoại, hệ thống cung cấp nước sạch ...)
- Gây xói lở hoặc bồi lắng, lấp đất, cát làm mất diện tích trồng trọt.

Những yếu tố làm tăng thiệt hại của lũ lụt

- Vùng sản xuất, địa điểm kinh doanh của các doanh nghiệp trong vùng thường bị ngập lụt.
- Thiếu hiểu biết về nguyên nhân và cách phòng chống lũ lụt.
- Chủ quan không có sự chuẩn bị phòng ngừa
- Nhà xưởng đơn sơ, nền nhà thấp, móng và kết cấu nhà không chịu được lũ lụt.
- Không có kế hoạch dự trữ nguyên nhiên liệu, lương thực
- Cây trồng, gia súc không được bảo vệ.
- Thiếu nơi trú ẩn an toàn cho tàu, thuyền đánh cá.

Những việc cần làm để giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt

Trước khi lũ, lụt xảy ra

- Theo dõi thông tin về lũ, lụt trên vô tuyến, đài hoặc loa phóng thanh công cộng
- Thành lập lực lượng phản ứng nhanh, phân công trực thường xuyên để có thể phản ứng kịp thời
- Bảo quản, sơ tán các thiết bị, giấy tờ sổ sách quan trọng và cất giữ ở nơi khô ráo, an toàn
- Rà soát, bổ sung các thiết bị cứu hộ, cứu nạn
- Gia cố nhà xưởng giúp chịu lũ lụt tốt hơn. Bảo vệ nhà xưởng bằng cách nhồi đầy cát vào các bao tải và xếp chúng quanh nhà
- Neo đậu thuyền bè ở nơi an toàn và giữ gìn cẩn thận để có thể sử dụng được khi cần thiết
- Xác định địa điểm an toàn và phương tiện để di dời khi cần.

- Bảo vệ nguồn nước bằng cách che đậy giếng, bể chứa nước.v.v....
- Tổ chức, phân công ứng trực thường xuyên để có phản ứng kịp thời

Trong thời gian lũ, lụt

- Cắt hết nguồn điện để đảm bảo an toàn trong lũ lụt.
- Tạm ngưng sản xuất khi có dấu hiệu lũ lớn
- Di chuyển trang thiết bị, hàng hóa tới nơi cao và an toàn, ví dụ như một toà nhà hai tầng hoặc một quả đồi..

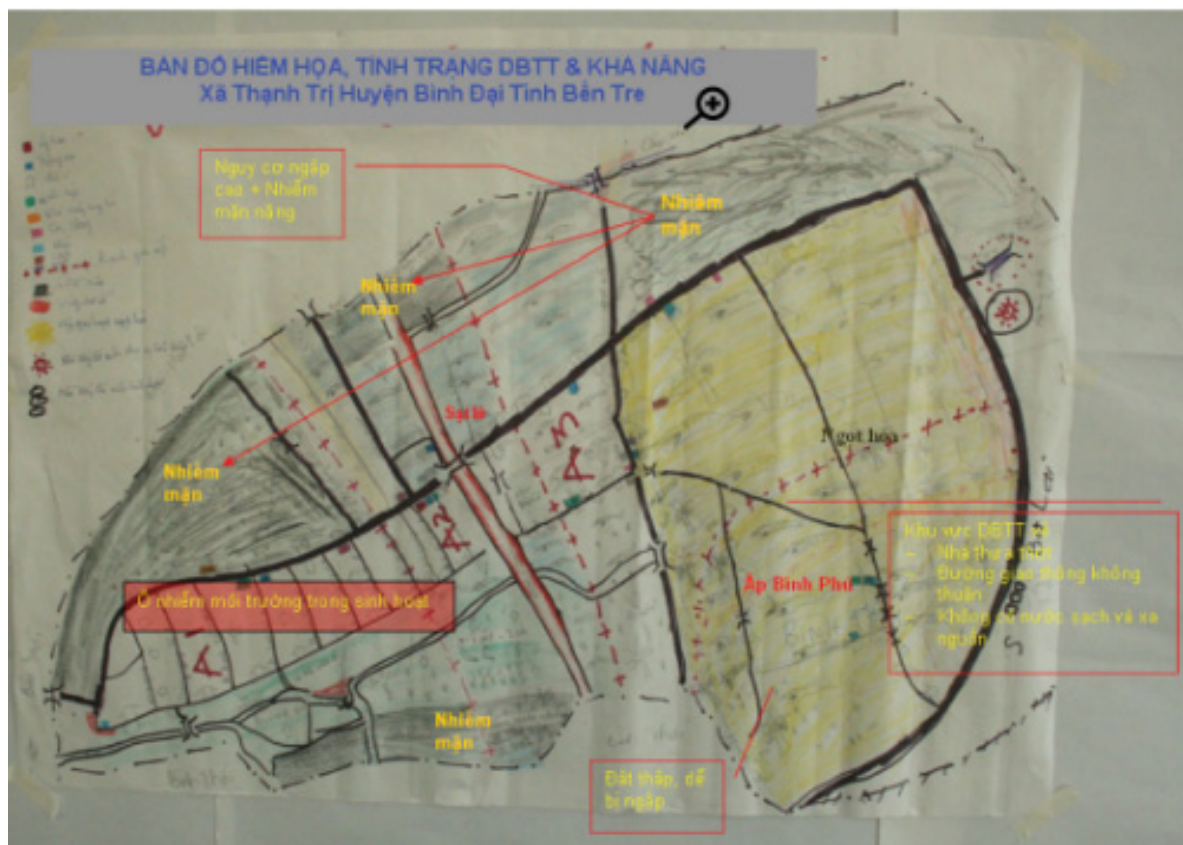
Sau lũ lụt

- Dọn dẹp nhà xưởng
- Tu sửa đường sá
- Rà soát thiệt hại của doanh nghiệp

PHỤ LỤC II: CÁC CÔNG CỤ PHÂN TÍCH CÓ SỰ THAM GIA

Công cụ 1: Sơ đồ thiên tai

Mô tả:



Sơ đồ này thể hiện các loại hình thiên tai ở địa phương thuộc địa bàn của doanh nghiệp.

Mục đích sử dụng:

- Sơ đồ này giúp cho doanh nghiệp hình dung được những loại hình thiên tai chính thường xảy ra trên địa bàn doanh nghiệp đóng quân, hướng đi của bão, lũ
- Sơ đồ này giúp cho những người làm công tác phòng chống thiên tai của doanh nghiệp phân tích được những địa bàn xung yếu, thường chịu tác động của thiên tai, giúp cho việc quy hoạch vùng sản xuất, vùng nguyên liệu, thị trường tiêu thụ một cách hợp lý, tránh được những vị trí, thời điểm thường hay có tác động của thiên tai, đồng thời cũng giúp cho doanh nghiệp lựa chọn được phương án hợp lý nhất cho việc di dời, vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa trong, và sau khi thiên tai xảy ra.
- Sơ đồ này thường sử dụng khi phân tích các loại hình thiên tai tại địa phương.

Lưu ý sử dụng: khi thể hiện sơ đồ thiên tai cần gắn với các địa bàn địa điểm quan trọng, dễ xác định. Có thể thể hiện cường độ, hướng đi, mức độ nghiêm trọng của các loại hình thiên tai, vị trí các điểm dễ bị ảnh hưởng khi có thiên tai xảy ra như cầu cống, đường giao thông, kho bãi, các điểm sơ tán.

Sơ đồ thiên tai có thể được sử dụng khi thảo luận để đánh giá, lập kế hoạch PNRRTT của doanh nghiệp, đồng thời nên được sao thành nhiều bản, treo ở những không gian chung trong khuôn viên doanh nghiệp để mọi người có thể dễ dàng quan sát, tham khảo

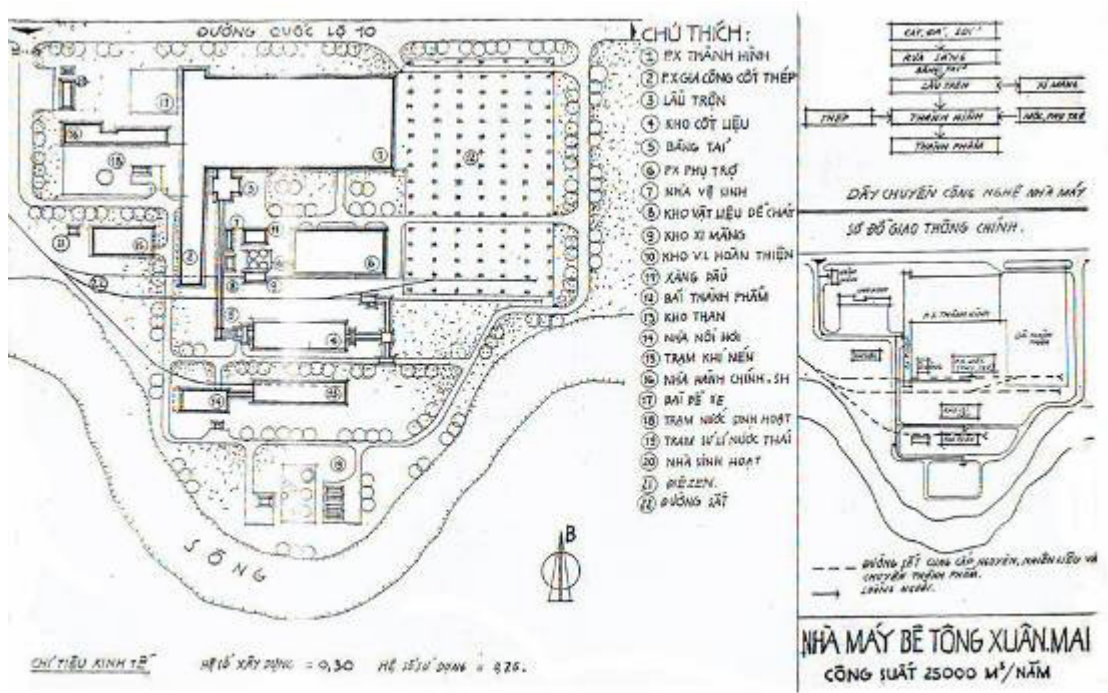
Các câu hỏi có thể thảo luận khi vẽ sơ đồ thiên tai

- Có những loại hình thiên tai nào thường xảy ra trên địa bàn của doanh nghiệp?
- Xu hướng, diễn biến của các loại hình TT trong những năm gần đây?
- Hướng đi của bão, lũ thường theo hướng nào?
- Địa bàn doanh nghiệp đóng có nằm trong vùng xung yếu?
- Khi thiên tai xảy ra, vị trí nào sẽ bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng như thế nào?
- Khả năng tiếp cận doanh nghiệp sẽ như thế nào khi có thiên tai xảy ra
- Có vị trí nào cần phải được sơ tán đi, địa điểm nào có thể sơ tán đến

Công cụ 2: Sơ đồ mặt bằng doanh nghiệp

Mô tả:

Là một dạng phác thảo trên không gian hai chiều thể hiện sự phân bố không gian của doanh nghiệp



Mục đích sử dụng:

- Công cụ này giúp các thành viên tham gia thảo luận hình dung được dễ dàng các vị trí, địa điểm, địa hình trong doanh nghiệp. Sơ đồ này sẽ giúp qua trình thảo luận được thuận lợi hơn dựa trên những hình dung trực quan.
- Việc thể hiện các chi tiết, vị trí dễ bị ảnh hưởng khi có thiên tai xảy ra sẽ giúp cho việc sơ tán, di dời được nhanh chóng và thuận lợi hơn khi các thành viên, đội cứu hộ cứu nạn có thể hình dung dễ dàng những địa điểm xung yếu, những vị trí có thể bị tác động đầu tiên, những vị trí an toàn để có thể di dời, ẩn náu.....

- Sơ đồ này dùng khi phân tích RRTT, tính dễ bị tổn thương và khả năng của doanh nghiệp

Lưu ý áp dụng:

Khi thể hiện sơ đồ doanh nghiệp cần lưu ý các điểm quan trọng như sau:

- Thể hiện đầy đủ vị trí các công trình, địa điểm quan trọng của doanh nghiệp như nhà xưởng, dây chuyền sản xuất, nhà điều hành,...
- Cần xác định rõ các địa điểm xung yếu, dễ bị ảnh hưởng nhất khi có thiên tai xảy ra
- Vị trí các lối thoát hiểm
- Định vị rõ ràng các địa điểm an toàn, có thể dùng làm nơi sơ tán, di dời
- Xác định chính xác vị trí nơi đặt các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn....
- Địa điểm của các bộ phận/đơn vị cứu hộ, cứu nạn

Sơ đồ mặt bằng doanh nghiệp có thể được sử dụng khi thảo luận để đánh giá, lập kế hoạch PNRRTT của doanh nghiệp, đồng thời nên được sao thành nhiều bản, treo ở những vị trí dễ quan sát trong từng bộ phận để mọi người có thể quan sát, tham khảo

Một số câu hỏi để thảo luận:

- Khi thiên tai xảy ra, vị trí nào sẽ bị tác động đầu tiên, vị trí nào an toàn?
- Mức độ nghiêm trọng của thiên tai như thế nào?
- Đây là những vị trí xung yếu, khả năng chống đỡ như thế nào, khả năng tiếp cận đến những vị trí đó khi có thiên tai xảy ra ra?
- Đây là những vị trí có thể di dời, sơ tán con người, bảo quản các trang thiết bị?
- Đây là nơi để các trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, làm thế nào để tiếp cận đến vị trí đó?
- Những vị trí thoát hiểm nằm ở đâu, làm sao có thể tiếp cận được khi có thiên tai?

Công cụ 3: Các dạng lịch (Lịch thiên tai, lịch mùa vụ, lịch sản xuất)

Mô tả:

Xây dựng lịch là việc mô tả diễn biến thông thường của thiên tai, các hoạt động sản xuất, mùa vụ theo thời gian trong từng năm, từng tháng.

Mục đích sử dụng:

Giúp hình dung được thời điểm thiên tai có thể xảy ra, cường độ, mức độ ảnh hưởng của thiên tai ở từng thời điểm khác nhau trong năm.

Giúp cho việc lập kế hoạch ứng phó RRTT được chủ động, dễ hình dung

Lịch được dùng khi phân tích các loại hình thiên tai, khi phân tích tính DBTT và khả năng của doanh nghiệp.

Loại hình thiên tai	Tháng											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Bão												
Sạt lở												
Mưa đá												
Lũ lụt												

Mẫu lịch thiên tai (nên kết hợp với lịch mùa vụ sản xuất kinh doanh)

Lưu ý sử dụng:

Nên kết hợp việc đối chiếu lịch thiên tai với lịch mùa vụ, lịch sản xuất, kế hoạch công tác hàng năm của doanh nghiệp, nhằm tránh những thời điểm dễ có thiên tai.

Những câu hỏi có thể sử dụng khi thảo luận:

- 1. Có những loại thiên tai gì thường xảy ra trong năm, thời điểm nào?
- 2. Cường độ thiên tai ở mức độ nào?
- 3. Tần xuất mức độ thường xuyên của thiên tai?
- 4. Những tháng sản xuất cao điểm trong năm?
- 5. Sự thay đổi về thời vụ sản xuất, cơ cấu cây trồng, các loại hình thiên tai,
- 6. Xu hướng thiên tai, thảm họa trong khoảng 5 – 10 – 15 năm trở lại đây?

Công cụ 4: Ma trận so sánh các giải pháp

Mô tả:

Là công cụ hỗ trợ cho việc lựa chọn các giải pháp dựa trên việc cho điểm theo các tiêu chí khác nhau. Các lựa chọn được đánh giá theo từng tiêu chí mà doanh nghiệp cần quan tâm khi thực hiện giải pháp đó. Lựa chọn nào có số điểm cao nhất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí mà doanh nghiệp quan tâm sẽ là giải pháp ưu tiên để thực hiện

Số TT	Giải pháp đề xuất	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tổng điểm
1	Đề xuất 1						
2	Đề xuất 2						
3	Đề xuất 3						
4	Đề xuất 4						
5	Đề xuất 5						
6	Đề xuất 6						

Mục đích sử dụng:

- Đưa ra những cơ sở, tiêu chí rõ ràng, giúp cho việc phân tích các giải pháp được toàn diện và có cơ sở chắc chắn hơn
- Đảm bảo rằng các giải pháp mà doanh nghiệp lựa chọn sẽ được tính đến mọi khả năng, yếu tố có liên quan
- Công cụ này thường được sử dụng khi lập kế hoạch QLRRTT

Lưu ý khi sử dụng:

- Các giải pháp được so sánh nên nằm trong cùng một nhóm, có các tiêu chí đánh giá tương đồng
- Hệ thống thang điểm đánh giá nên được xây dựng tùy theo số lượng các lựa chọn, thông thường, số điểm tối đa luôn tương đương với số lựa chọn được phân tích
- Thông thường, thang điểm cho tất cả các tiêu chí là như nhau. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, có thể tăng khoảng chênh lệch của thang điểm ở một tiêu chí nào đó nếu muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của tiêu chí đó
- Khi đưa ra các tiêu chí để lựa chọn, thông thường, việc đưa ra số tiêu chí càng nhiều thì mức độ chính xác của việc lựa chọn càng cao

Những câu hỏi chính có thể thảo luận

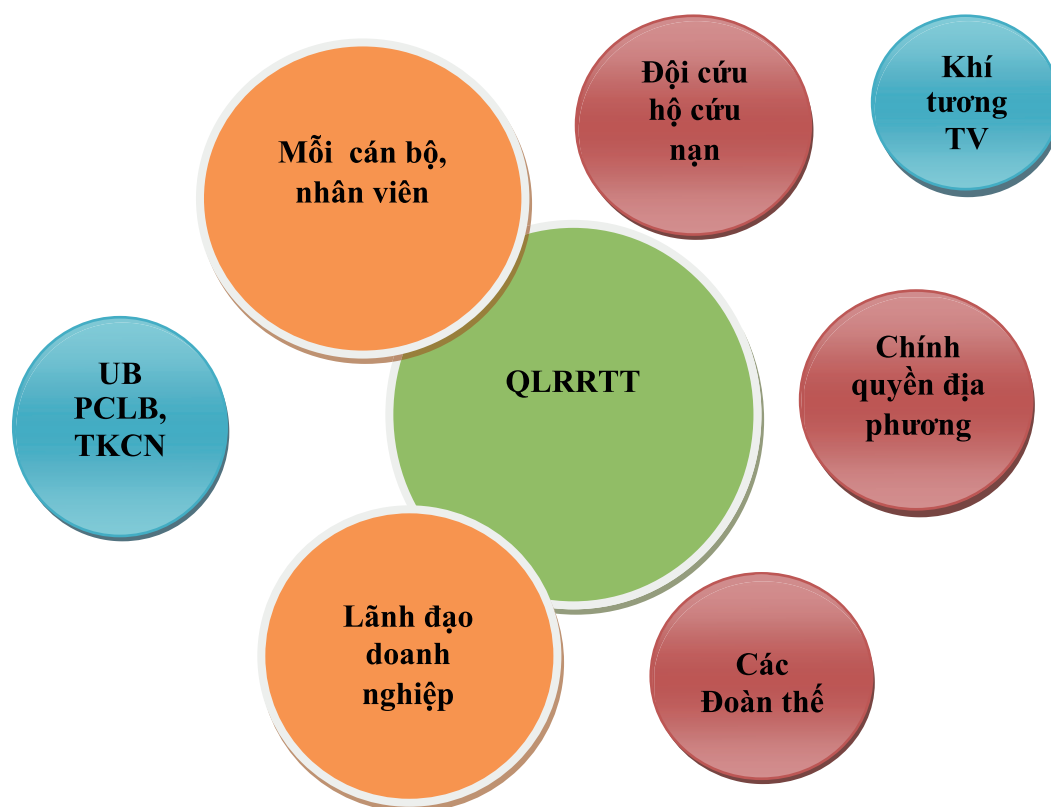
1. Giải pháp nào là hiệu quả nhất?
2. Yêu cầu để thực hiện giải pháp là gì?
3. Tính cấp thiết của vấn đề mà giải pháp đề xuất giải quyết?
4. Tác động dự kiến của giải pháp?
5. Hiệu quả chi phí?
6. Thời gian thực hiện là bao lâu?
7. Liệu có giải pháp thay thế nào khác?

.....

Công cụ 5: Biểu đồ VENN phân tích vai trò của các bên liên quan

Mô tả:

Biểu đồ Venn là biểu đồ thể hiện các đơn vị, tổ chức, nhóm, và những cá nhân đóng vai trò quan trọng, mức độ ảnh hưởng và mức độ thể hiện trách nhiệm của họ trong công tác QLRRTT của doanh nghiệp. Trong sơ đồ Venn, vấn đề cần được giải quyết được thể hiện ở vòng tròn trung tâm. Các bên liên quan được sắp xếp xung quanh vấn đề trung tâm theo nguyên tắc: Vai trò, trách nhiệm hay mức độ tác động gây ảnh hưởng càng lớn thì vòng tròn lớn; mức độ quan tâm càng cao, khả năng tiếp cận càng lớn thì càng ở gần với vòng tròn Trung tâm



Mục đích sử dụng:

- Xác định những tổ chức, nhóm, cá nhân có vai trò liên quan đến vấn đề PNRRTT của doanh nghiệp.
- Xác định được mức độ thể hiện vai trò của các bên, xác định ai cần tham gia vào các tổ chức/đơn vị tại địa phương gần gũi và có ảnh hưởng với cộng đồng trong các hoạt động phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai, về kinh tế và xã hội.

Lưu ý vận dụng:

Khi phân tích sơ đồ Venn, cần lưu ý liệt kê đầy đủ các bên liên quan, bên ngoài, trong mối quan hệ với doanh nghiệp, hoặc phân tích vai trò, chức năng, mức độ thể hiện của từng phòng ban, bộ phận trong doanh nghiệp.

Các câu hỏi chính có thể thảo luận trong quá trình xây dựng sơ đồ Venn:

- Có bên liên quan, đơn vị, bộ phận nào khác cần tham gia giải quyết vấn đề QLRRTT?
- Mức độ ảnh hưởng, tầm quan trọng của đơn vị, bộ phận này như thế nào?
- Đơn vị/bộ phận này đã thể hiện vai trò của mình như thế nào?
- Mỗi đơn vị, bộ phận cần thay đổi gì để làm tốt hơn công tác PNRRTT trong doanh nghiệp?

Công cụ 6: Bảng phân tích SWOT (Điểm mạnh – Điểm yếu – Cơ hội – Thách thức)

Mô tả:

Là bảng phân tích một cách tổng hợp những điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp trong công tác QLRRTT, trong đó có cả những tác nhân bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, từ đó tìm ra các giải pháp nhằm phát huy những điểm mạnh, hạn chế những điểm yếu, tận dụng các cơ hội và khắc phục những thách thức.

Phát huy		Nội tại	Hạn chế
Tích cực	Điểm mạnh	Điểm yếu	Tiêu cực
	1.....	1.....	
	2.....	2.....	
	Cơ hội	Thách thức	
	1.....	1.....	
	2.....	2.....	
Tận dụng		Bên ngoài	Khắc phục

Bảng phân tích SWOT

Mục đích sử dụng:

Bảng này có thể được sử dụng khi phân tích để lập kế hoạch. Việc liệt kê theo bảng mẫu giúp những người tham gia thảo luận dễ hình dung, có một cách nhìn có hệ thống và phân tích sâu sát các yếu tố bên trong và bên ngoài của doanh nghiệp có liên quan đến vấn đề QLRRTT, từ đó đề ra các giải pháp phù hợp nhằm phát huy những thế mạnh, tiềm năng của doanh nghiệp, đồng thời khắc phục những điểm yếu của doanh nghiệp, tận dụng những cơ hội

Lưu ý khi sử dụng:

- Cần liệt kê đầy đủ các yếu tố nội lực những tồn tại trong nội bộ của doanh nghiệp
- Cần lưu ý tránh kiểu liệt kê những điểm mạnh, điểm yếu một cách chung chung, cần nêu những biểu hiện cụ thể, từ đó mới tìm được giải pháp để phát huy/ khắc phục một cách thiết thực và hiệu quả
- Có thể chia các điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội, thách thức theo từng nhóm yếu tố về nhân sự, tổ chức, thị trường... như đã liệt kê trong phần phân tích tính DBTT và phân tích năng lực.

PHỤ LỤC III.

MẪU THUYẾT MINH KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA GIẢM NHỆ TT

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DN.

1.1. Vị trí địa lý

1.2. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu.

1.3. Số lượng cán bộ công nhân viên.

1.4. Sơ đồ mặt bằng của DN.

1.5. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Nhà xưởng kho tàng.
- Máy móc và trang thiết bị.
- Sản phẩm, hàng hoá
- Phương tiện vận chuyển

1.6. Hệ thống giao thông.

1.7. Hệ thống thoát nước.

1.8. Hệ thống giao thông liên lạc.

(thu thập thông tin, dữ liệu thực tế từ DN đưa vào đây)

II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG CỦA DN TRONG QLRRTT

2.1. Sơ lược các loại hình thiên tai chính và ảnh hưởng của thiên tai trong những năm qua.

- Nguy cơ rủi ro chính là gì? Bão? lũ lụt? thiên tai khác?
- Mức độ thiệt hại

- ✓ Nhà xưởng, kho tàng
- ✓ Máy móc thiết bị
- ✓ Hàng hoá sản phẩm
- ✓ Mất nguồn cung ứng nguyên nhiên liệu
- ✓ Công nhân nghỉ việc

(Thu thập thông tin trong 5 năm gần nhất những thiệt hại của DN để đưa vào đây)

2.2. Phân tích mức độ rủi ro của doanh nghiệp

(Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương /Đánh giá khả năng)

- ✓ Về con người, cơ cấu tổ chức
- ✓ Tài sản (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ...)
- ✓ Về đối tác (Nhà cung cấp/khách hàng/thị trường...)

(Sử dụng thông tin số liệu đã phân tích ở biểu 1 và 2 tại phụ lục 2 đưa vào đây dưới dạng văn xuôi)

III. XÁC ĐỊNH, PHÂN TÍCH VÀ LỰA CHỌN GIẢI PHÁP

Sử dụng số liệu thông tin trong biểu 3 tại phụ lục 2 (phân tích mức độ rủi ro và giải pháp khắc phục) để đưa vào phần này dưới dạng văn xuôi

Cụ thể: Giải pháp đề xuất về:

- ✓ Về con người, cơ cấu tổ chức
- ✓ Tài sản (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ..)
- ✓ Về đối tác (Nhà cung cấp/khách hàng/thị trường...)

IV. KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ THIÊN TAI CỦA DN

- Mục tiêu.
- Kết quả mong đợi
- Khung kế hoạch chi tiết (đính kèm)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thành lập Ban chỉ huy phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai (Ban CHPNGNTT).
- Thành lập đội ứng phó thiên tai.
- Nhiệm vụ/quyền hạn của Ban CHPNGNTT/đội ứng phó và từng cá nhân:
 - Trước khi có thiên tai.
 - Khi có thiên tai xảy ra.
 - Sau thiên tai xảy ra

(sử dụng phương châm 4 tại chỗ theo từng giai đoạn thiên tai với những nội dung cụ thể đưa vào đây)

- Cơ chế thông tin báo cáo.

PHỤ LỤC IV:
MỘT SỐ BIỂU MẪU KÈM THEO KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ

Biểu 1: Thông tin về người lao động trong DN

TT	Họ và tên	Chức danh/ phòng ban	Điện thoại CQ	Điện thoại NR
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
14				
15				
16				
17				
18				
19				
..				

Biểu 2: Thông tin về những điện thoại khẩn cấp

TT	Tên cơ quan	Điện thoại khẩn	Địa chỉ	Người liên lạc
1	UBND tỉnh/quận huyện/ xã nơi đơn vị đặt trụ sở			
				
				
2	Cơ quan thường trực QLRRTT nơi đơn vị đặt trụ sở			
				
				
3	Công an tỉnh/quận huyện/xã nơi đơn vị đặt trụ sở			
				
				
4	Bệnh viện			
				
				
5	Trung tâm tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn địa phương			
6	Điện lực.....			
				
..				

Biểu 3: Thông tin về nhà cung cấp và khách hàng

TT	Tên cơ quan	Địa chỉ	Điện thoại	Tên người liên lạc/số điện thoại
I	Nhà cung cấp			
1				
2				
3				
4				
5				
II	Khách hàng			
1				
2				
3				
4				
5				

Biểu 4: Bảng phân công đội ứng phó và khắc phục sau thiên tai

TT	Họ và tên	Trách nhiệm	Điện thoại DD	Điện thoại NR
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Quản lý rủi ro thiên tai trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chịu trách nhiệm xuất bản

